

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

MAI THU HƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI
TỪ THỰC TIỄN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS TRẦN ĐÌNH HẢO

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Luật học *“Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi từ thực tiễn ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội ”* là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này./.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Mai Thu Hương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI.....	6
1.1 Khái niệm, mục tiêu, vai trò, nội dung về bảo hiểm tiền gửi.....	6
1.2 Khái niệm pháp luật về bảo hiểm tiền gửi	14
1.3 Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.....	15
1.4 Sự hình thành và phát triển của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.	18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI Ở NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA.....	23
2.1 Vài nét về ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	23
2.2. Về nội dung bảo hiểm tiền gửi.....	27
2.3. Về giải quyết tranh chấp phát sinh từ bảo hiểm tiền gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	41
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI Ở VIỆT NAM	45
3.1. Yêu cầu, định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam	45
3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam	46
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam	63
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHTG	: Bảo hiểm tiền gửi
BH	: Bảo hiểm
BHTGVN	: Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
NH	: Ngân hàng
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
NSNN	: Ngân sách nhà nước
NHTM	: Ngân hàng thương mại
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TGĐ	: Tổng Giám đốc
PL	: Pháp luật
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
SHB	: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010 đã nhấn mạnh: "Phải đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế", theo đó nhiệm vụ trước mắt là "Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ- ngân hàng" 1, tr.197. Để thực hiện nhiệm vụ này, việc nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật về BHTG - một thiết chế mới hình thành ở Việt Nam về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng là một việc làm hết sức cần thiết. Trong nền kinh tế thị trường, mọi hoạt động của ngân hàng đều phải tuân thủ theo quy luật thị trường, những rủi ro trong hoạt động ngân hàng là điều khó tránh khỏi, không chỉ đối với các nước chậm phát triển mà còn đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Để đối phó lại vấn đề này, Chính phủ ở nhiều quốc gia đã thực hiện các biện pháp hoặc hành động can thiệp nhằm đưa hệ thống ngân hàng hoạt động trở lại trạng thái ổn định và phát triển lành mạnh thông qua việc tăng cường các cơ chế phòng ngừa hữu hiệu. Do tính đặc thù của hoạt động kinh doanh tiền tệ- ngân hàng là kinh doanh chủ yếu bằng vốn của người khác, tức là bằng tiền đi vay để cho vay nên hậu quả của việc sụp đổ một ngân hàng không chỉ trong một ngân hàng riêng lẻ mà nó còn có thể tạo ra sụp đổ cả hệ thống ngân hàng và chính điều này lại tác động tiêu cực tới toàn bộ nền kinh tế quốc gia. Vì vậy, việc đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của các TCTD ở mọi quốc gia là vô cùng quan trọng, tạo tâm lý ổn định cho người gửi tiền và tránh được nguy cơ đổ vỡ ngân hàng do việc rút tiền ồ ạt tại các ngân hàng.

Việt Nam là một nước có nền kinh tế chậm phát triển và đang từng bước chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng XHCN. Hệ thống NH Việt Nam cũng đang đứng trước những thách thức của quy luật thị trường đầy nghiệt ngã, rủi ro và phá sản trong hoạt động kinh doanh luôn đe dọa sự ổn định của từng NH nói riêng và cả hệ thống NH nói chung. Do vậy, vấn đề bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh tiền tệ -

ngân hàng cũng là an toàn của cả nền kinh tế luôn luôn được coi là nhiệm vụ quan trọng trên cả góc độ kinh doanh lẫn góc độ quản lý nhà nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đảm bảo an toàn ngăn ngừa sự đổ vỡ hàng loạt TCTD, cũng như để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, ngày 01/09/1999 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về BHTG, là cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo hiểm tiền gửi đầu tiên ở Việt Nam ra đời. Tiếp theo đó, ngày 9/11/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 218/1999/QĐ-TTg về việc thành lập BHTGVN. Sau văn bản này là hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật về BHTG đã được ban hành để điều chỉnh hoạt động BHTG. Như vậy, cùng với sự ra đời của hoạt động BHTG ở Việt Nam thì pháp luật về BHTG cũng được hình thành nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực BHTG.

Tuy nhiên, vì đây là lĩnh vực hoàn toàn mới nên pháp luật về BHTG trong giai đoạn hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập: các quy định của pháp luật về BHTG chưa thống nhất, đồng bộ, chưa đầy đủ và không rõ ràng nên đã gây khó khăn cho việc áp dụng các quy định về BHTG vào thực tiễn. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pháp luật về BHTG cho thống nhất và đồng bộ, tạo môi trường pháp lý đầy đủ cho hoạt động BHTG ở Việt Nam đạt được hiệu quả, thực hiện được mục tiêu trọng tâm là đảm bảo sự ổn định cho cả hệ thống tài chính. Với những lý do trên đây, học viên đã chọn đề tài “***Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi từ thực tiễn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội***” làm luận văn tốt nghiệp cao học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến BHTG đến nay đã có một số công trình nghiên cứu, báo cáo khoa học và một số bài báo tìm hiểu về hoạt động BHTG như: Luận án thạc sĩ kinh tế "Những giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam" của tác giả Đào Văn Tuấn. Luận án tiến sĩ kinh tế "Các giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam" của tác giả Nguyễn Thị Kim Oanh. Đề tài khoa học cấp ngành "Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của BHTG ở Việt Nam" của

Viện Khoa học nghiên cứu Ngân hàng. Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Bùi Thu Hương về “Hoàn thiện hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong thời kỳ hội nhập” được bảo vệ thành công tại Học viện Ngân hàng năm 2010. Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Thị Hiền về “Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động BHTG Việt Nam” bảo vệ thành công tại Học viện Ngân hàng năm 2008 [25]. Cuốn Chuyên khảo “Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam” của TS. Lê Thị Thu Thủy [89] được ra đời năm 2008. Bài viết: “Mô hình BHTG hiện nay và những vấn đề quan tâm khi xây dựng Luật bảo hiểm tiền gửi” của TS. Đinh Dũng Sỹ [79] (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội). Hay: “Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về BHTG tại Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện”, được đăng trên Thông tin BHTGVN, số 3, năm 2007 của GS.TSKH Đào Trí Úc [95].

Các công trình nghiên cứu đã được công bố cho thấy có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật BHTG đã được giải quyết thấu đáo. Nhiều nội dung liên quan đến pháp luật BHTG cũng đã được đề cập và bàn luận. Kết quả nghiên cứu đó chính là tiền đề nhận thức quan trọng giúp học viên triển khai nghiên cứu đề tài này.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, dựa trên những kết quả nghiên cứu đã có, học viên dự kiến sẽ tiếp tục làm sáng tỏ nhận thức lý luận về BHTG, đi sâu đánh giá tình hình áp dụng pháp luật về bảo hiểm tiền gửi từ thực tiễn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội hiện nay và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là tìm hiểu sáng tỏ những vấn đề lý luận tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ về BHTG. Trên cơ sở đó đánh giá tình hình áp dụng pháp luật về BHTG tại các TCTD ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ của luận văn: Phân tích những vấn đề lý luận về BHTG và pháp luật BHTG, bao gồm phân tích khái niệm, đặc điểm bảo hiểm tiền gửi, pháp luật BHTG và những yếu tố tác động đến sự ra

đòi và phát triển của BHTG và pháp luật về BHTG. Đánh giá thực trạng pháp luật về BHTG ở Việt Nam cũng như chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật bảo hiểm tiền gửi.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá, luận văn đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm NH nói chung và bảo hiểm tiền gửi tại NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội nói riêng hướng tới việc tăng cường hiệu quả của các NH các TCTD ở Việt Nam và làm sáng tỏ nhu cầu điều chỉnh của pháp luật đối với quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực BHTG.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Với lựa chọn nghiên cứu đề tài “Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi thực tiễn tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn” làm luận văn hướng tới đối tượng nghiên cứu bao gồm: Hệ thống cơ sở pháp lý và nghiên cứu liên quan tới quan hệ BHTG, pháp luật về BHTG và việc thực thi pháp luật BHTG tại các TCTD. Các quy định pháp luật Việt Nam về BHTG như: Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các TCTD năm 2010, Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010. Thực tiễn áp dụng pháp luật BHTG trong hệ thống các TCTD ở Việt Nam.

Về phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn trong việc nghiên cứu các quy định của hệ thống văn bản pháp luật về BHTG ở Việt Nam. Các công trình khoa học khi nghiên cứu về hoạt động BHTG và pháp luật về BHTG, luận văn còn tham khảo các công trình khoa học trong và ngoài nước dưới góc độ kinh tế - tài chính và pháp lý.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh làm phương pháp nghiên cứu đề tài, đồng thời dựa trên quan điểm của Đảng và nhà nước ta về quản lý trong lĩnh vực BHTG.

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, đối với từng nội dung cụ thể ở từng chương, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học như: Tổng hợp, phân tích, logic, lịch sử, khảo sát, phỏng vấn, so sánh, thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu tương đối toàn diện về BHTG như khái niệm và pháp luật, bản chất kinh tế, bản chất pháp lý, khía cạnh pháp lý của các mô hình hoạt động . Trên cơ sở đó, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về BHTG của Việt Nam hiện hành, chỉ ra những bất cập và phương hướng hoàn thiện pháp luật về BHTG ở Việt Nam. Các giải pháp được đưa ra trong luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật tiền gửi NH nói chung và nâng cao hiệu quả trong BHTG ngân hàng nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo hiểm tiền gửi từ thực tiễn ở ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội và những vấn đề pháp lý đặt ra.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1 Khái niệm, mục tiêu, vai trò, nội dung về bảo hiểm tiền gửi

1.1.1 Khái niệm về bảo hiểm tiền gửi

Do nhu cầu bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền ngày càng gia tăng, cũng như để ổn định nền kinh tế quốc gia, các nhà quản lý về tài chính – NH trên thế giới đã kêu gọi mỗi quốc gia cần có một định nghĩa mang tính chất rõ ràng về BHTG, thông qua đó nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Để tìm hiểu khái niệm BHTG, có thể xem xét quan điểm của một số chuyên gia hay trong pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của một số nước. Theo tài liệu chuyên khảo “bảo hiểm tiền gửi và quản lý khủng hoảng” do Quỹ tiền tệ quốc tế phát hành của tác giả Carl Johan Lindgren và Gilian Garcia thì “BHTG được định nghĩa như một cơ chế có giới hạn nhưng chính thức cung cấp sự bảo đảm mang tính pháp lý cho các khoản gốc (và thường là cả lãi) của các khoản tiền gửi” [38, tr3]. Theo Pháp lệnh BHTG năm 1985 của Đài Loan thì thuật ngữ bảo hiểm tiền gửi được định nghĩa như sau: “Thuật ngữ bảo hiểm tiền gửi được sử dụng trong Pháp lệnh này, có nghĩa là một loại hình bảo hiểm áp dụng cho các loại tiền gửi và quỹ tín thác được liệt kê cụ thể tại điều 4 của Pháp lệnh này”. Như vậy, có thể khái quát BHTG là việc đảm bảo nghĩa vụ chi trả trong tương lai của tổ chức cho các khoản tiền gửi khi các TCTD tham gia BHTG gặp rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán. Hay nói cụ thể hơn, BHTG là cam kết công khai của tổ chức bảo hiểm đối với tổ chức tham gia bảo hiểm về việc tổ chức sẽ trả tiền gửi bao gồm phần gốc và lãi cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Cam kết công khai này được thể hiện dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm giữa ba chủ thể: tổ chức BHTG, tổ chức huy động tiền gửi (tổ chức tham gia bảo hiểm) và người gửi tiền.

1.1.2 Mục tiêu của bảo hiểm tiền gửi

Trên thực tế, mục tiêu cụ thể của mỗi mô hình BHTG có khác nhau nhưng tựu chung lại đều nhằm đạt được 4 mục tiêu sau:

i) Bảo vệ quyền lợi của người gửi đặc biệt là những người gửi tiền nhỏ, đối tượng có hạn chế nhất định trong tiếp cận thông tin về điều hành và tình hình hoạt động của các tổ chức tài chính [46, tr.1].

ii) Góp phần đảm bảo cho hệ thống tài chính ổn định và tạo điều kiện cho các giao dịch tài chính có hiệu quả hơn bằng cách phòng tránh đổ vỡ NH.

iii) Góp phần xây dựng một thị trường BHTG có tính cạnh tranh và bình đẳng cho các tổ chức tài chính có quy mô và trình độ phát triển khác nhau.

iv) Xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người gửi tiền, tổ chức bảo hiểm, Chính phủ và giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế trong trường hợp có NH đổ bể. Hay nói cách khác, mục đích của BHTG là nhằm cô lập các hoạt động xấu, các đổ vỡ trong hoạt động tài chính và NH nhằm bảo vệ người đóng thuế và nhằm loại bỏ tình trạng thiếu minh bạch trong hoạt động kinh doanh tài chính và NH (42, tr.10). Người gửi tiền nhỏ mà BHTG đề cập và "giành" quan tâm nhất ở đây là tầng lớp dân cư có thu nhập thấp. Tầng lớp dân cư này có những hạn chế nhất định trong việc tiếp cận và phân tích thông tin về hoạt động của tổ chức huy động tiền gửi. Chẳng hạn, khi có một thông tin đồn đại xấu về NH nào đó thì họ có thể ồ ạt rút tất cả tiền gửi tại NH khi mà nhu cầu chi tiêu chủ quan chưa nhất thiết phải làm như vậy. Hiện tượng rút tiền ồ ạt vì một thông tin thất thiệt ở NH TMCP Á Châu tại Việt Nam trong tháng 10/2003 là một minh chứng cụ thể. Các hiện tượng đó nếu không được xử lý kịp thời có thể là nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ NH hàng loạt và đây là một trong các nhiệm vụ chính mà hoạt động BHTG cần ngăn chặn.

1.1.3 Nội dung của bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động bảo hiểm tiền gửi được nhiều chủ thể tham gia thực hiện. Cụ thể: tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được bảo hiểm, các cơ quan quản lý về tài chính, NH (như ngân hàng trung ương, Bộ Tài chính),

các tổ chức giám sát tài chính trong mạng an toàn tài chính quốc gia. Trong đó, mỗi chủ thể có vị trí, vai trò và mục đích, thẩm quyền khác nhau. Bảo hiểm tiền gửi bao gồm các nhóm nội dung sau đây:

Nhóm các hoạt động nhằm xác lập quan hệ BHTG: Đây là một trong những chuỗi hoạt động bảo hiểm tiền gửi, theo đó tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành các thủ tục để cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tiền gửi hoặc giao kết hợp đồng bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia BHTG tùy theo việc tham gia BHTG được quy định là bắt buộc hay tự nguyện. Hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng đối với các chủ thể có liên quan và là căn cứ để tổ chức BHTG tiến hành các hoạt động bảo hiểm tiền gửi khác trong phạm vi quyền hạn được pháp luật quy định.

Nhóm các hoạt động tạo lập, quản lý, sử dụng quỹ BHTG: Quỹ bảo hiểm tiền gửi được hình thành và gia tăng từ các nguồn khác nhau: có thể do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc do các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đóng góp. Quỹ bảo hiểm tiền gửi được gia tăng bằng các cách thức như từ nguồn phí bảo hiểm tiền gửi được các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đóng theo quy định của pháp luật, từ các hoạt động đầu tư và do tích lũy. Quỹ bảo hiểm tiền gửi được sử dụng cho các hoạt động nghiệp vụ BHTG như trong các trường hợp chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền được bảo hiểm khi tổ chức tham gia BHTG bị mất khả năng thanh toán và bị chấm dứt hoạt động. Mặt khác, quỹ BHTG còn được sử dụng cho các hoạt động hỗ trợ tài chính đối với các tổ chức tham gia BHTG gặp khó khăn về tài chính.

Nhóm các hoạt động kiểm tra, giám sát chủ thể tham gia BHTG, cảnh báo rủi ro sớm đối với chủ thể tham gia bảo hiểm tiền gửi. Đây là một trong các hoạt động BHTG được tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành trên cơ sở pháp luật nhằm phát hiện những rủi ro trong hoạt động của tổ chức tham gia BHTG. Từ đó, phân tích rủi ro và đưa ra những cảnh báo nhằm ngăn chặn hiện tượng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản. Trong quá trình thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG, tổ chức bảo hiểm tiền gửi thường phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý, chủ thể giám sát khác về tài chính. Vì vậy, có thể nói

rằng, hoạt động kiểm tra, giám sát của tổ chức BHTG là một trong các hoạt động quản lý rủi ro của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Nhóm các hoạt động liên quan đến việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia vào quá trình xử lý tổ chức tham gia bảo hiểm bị chấm dứt hoạt động. Cụ thể, hoạt động tái cơ cấu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, thu hồi tiền bảo hiểm đã chi trả cho người gửi tiền.

Nhóm các hoạt động chấm dứt BHTG. Trên thực tế, khi xuất hiện sự kiện bảo hiểm tiền gửi, phù hợp quy định của pháp luật, quan hệ bảo hiểm tiền gửi bị chấm dứt giữa các bên. Tổ chức đó có thể thực hiện các hoạt động thu hồi giấy Chứng nhận BHTG hoặc các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng bảo hiểm tiền gửi.

Như vậy, hoạt động của nó bao gồm những nội dung khác nhau, là chuỗi của những hành vi của các chủ thể trong quan hệ BHTG, trong đó chủ yếu là những hoạt động của tổ chức BHTG. Tuy nhiên, căn cứ vào từng mô hình hoạt động BHTG mà PL về hoạt động này của mỗi quốc gia quy định, BHTG có thể được thực hiện đầy đủ các hoạt động trên (như ở mô hình hoạt động BHTG giảm thiểu rủi ro) hoặc chỉ thực hiện một số nội dung như đã trình bày ở trên (như ở mô hình hoạt động BHTG chuyên chi trả và ở mô hình hoạt động BHTG chi trả với quyền hạn mở rộng).

1.1.4 Vai trò của hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động bảo hiểm tiền gửi là nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền hoạt động bảo hiểm tiền gửi góp phần duy trì và nâng cao niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống NH.

Vai trò này của hoạt động bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ họ trước những hậu quả của sự đổ vỡ các tổ chức tham gia BHTG. Bởi lẽ trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi mất khả năng thanh toán, quỹ bảo hiểm tiền gửi sẽ góp phần làm giảm bớt gánh nặng đối với người gửi tiền thông qua cơ chế chi trả toàn bộ hoặc một phần khoản tiền gửi của họ. Thông thường, người gửi tiền nhỏ có khó khăn trong việc nắm bắt thông tin về tổ chức nhận tiền gửi hơn [75]. Tiền gửi tại các NH và TCTD khác có thể thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp các tổ chức nhận tiền gửi bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán có thể gây những thiệt hại

nhất định cho người gửi tiền, đặc biệt là “người gửi tiền nhỏ”. Nếu tổ chức đó có “vấn đề”, người gửi tiền có thể “ồ ạt rút tiền gửi”. Nếu không xử lý kịp thời thì hiện tượng đó có thể lan rộng sang các TCTD khác. Do đó, tổ chức nhận tiền gửi tham gia BHTG có thể tránh được những hậu quả của hiện tượng người gửi tiền rút tiền gửi hàng loạt. Duy trì niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống NH mà còn bảo đảm an toàn cho cả hệ thống NH quốc gia.

Hoạt động BHTG giảm thiểu rủi ro trong hoạt động NH, góp phần duy trì sự an toàn, ổn định của hệ thống tài chính quốc gia.

Hệ thống NH đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế. Hệ thống NH quốc gia hoạt động thông suốt, an toàn và ổn định thì các nguồn lực tài chính được luân chuyển nhanh chóng và sử dụng có hiệu quả. Ngược lại, trường hợp một hay một số NH “có vấn đề”, có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống NH quốc gia và nền tài chính nói chung. Các chủ thể trong hệ thống giám sát tài chính, NH thực hiện theo những quy tắc, chỉ tiêu giám sát hiện đại, trong đó có hoạt động giám sát từ xa [98;(1)]. Trên cơ sở đó, tổ chức tham gia BHTG và đưa ra cảnh báo sớm về rủi ro đó để tổ chức tham gia BHTG áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Như vậy, có thể giúp ngăn chặn hoặc khắc phục tình trạng đổ vỡ NH, góp phần duy trì sự ổn định đối với hoạt động NH và hoạt động tài chính nói riêng.

Hoạt động bảo hiểm tiền gửi thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức nhận tiền gửi, tạo điều kiện phát triển trong lĩnh vực tài chính.

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính luôn luôn có sự cạnh tranh, thậm chí cạnh tranh khốc liệt. Để thu hút tiền gửi của cá nhân, tổ chức trong XH, các tổ chức nhận tiền gửi thường đa dạng hóa, hiện đại hóa các dịch vụ tín dụng. Giữa các tổ chức nhận tiền gửi với qui mô lớn nhỏ khác nhau bao giờ cũng có “độ chênh lệch” về khả năng thu hút KH. Khi không có hoạt động BHTG, người gửi tiền thường có xu hướng chọn các tổ chức nhận tiền gửi có uy tín, được biết đến rộng rãi, có “bề dày kinh nghiệm” trong lĩnh vực tín dụng. Vì vậy, hoạt động bảo hiểm sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức nhận tiền gửi nhỏ tiếp cận được với các nhóm KH khác nhau. Đối với các tổ chức nhận tiền gửi mới đi vào hoạt động, vai trò này

của hoạt động BHTG có ý nghĩa rất lớn. Các tổ chức nhận tiền gửi có quy mô nhỏ và mới hoạt động có điều kiện thuận lợi hơn trong triển khai các hoạt động tín dụng của mình, có khả năng cạnh tranh với các tổ chức nhận tiền gửi qui mô lớn, góp phần tạo sự phát triển trong lĩnh vực tài chính - NH.

Hoạt động bảo hiểm tiền gửi góp phần tái cấu trúc ngân hàng

Trong nền KTTT, các tổ chức nhận tiền gửi, đặc biệt là các NH đứng trước cuộc cạnh tranh rất khốc liệt. Có NH đứng vững và phát triển mạnh. Ngược lại, có những NH bị đổ vỡ. Sự đào thải các NH “yếu, kém” là hiện tượng tất yếu. Tuy nhiên, sự “đổ vỡ” một hoặc một số NH có thể làm ảnh hưởng xấu đến cả hệ thống NH quốc gia. Do đó, cơ chế tiếp nhận và xử lý các NH “đổ vỡ” thông qua hoạt động nghiệp vụ BHTG sẽ góp phần tái cấu trúc các NH và tăng cường khả năng cạnh tranh của các NH trong nền kinh tế.

1.1.5 Phân biệt bảo hiểm tiền gửi với các loại hình bảo hiểm khác

Bảo hiểm tiền gửi và các loại hình bảo hiểm thương mại khác bên cạnh những điểm giống nhau thì hoạt động BHTG có những điểm khác biệt, điều đó được thể hiện như sau:

Về tính chất hoạt động: Cũng giống như các loại hình bảo hiểm thương mại khác, hoạt động BHTG mang tính chất chung của hoạt động bảo hiểm tức là dựa trên nguyên tắc lấy số đông bù số ít. Tuy nhiên, đây là một loại hình mang tính chất đặc thù vì BHTG là công cụ thực hiện chính sách công với vai trò cơ bản là bảo vệ người gửi tiền, góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn và lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia. Tính đặc thù của BHTG so với các loại hình bảo hiểm thương mại khác được thể hiện ở các khía cạnh như cơ chế bảo hiểm, chủ thể tham gia bảo hiểm, đối tượng nộp phí, đối tượng được hưởng các quyền lợi bảo hiểm.

Hình thức pháp lý tham gia: Tham gia BHTG là sự bắt buộc đối với tổ chức tham gia bảo hiểm, không thông qua hợp đồng bảo hiểm. Đây là sự khác biệt tương đối đặc trưng, còn ở các loại hình bảo hiểm thương mại khác là sự thỏa thuận giữa tổ chức bảo hiểm và người được bảo hiểm, phải thông qua hợp đồng bảo hiểm. Sở dĩ, không xuất hiện hợp đồng BHTG giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các tổ chức

tham gia bảo hiểm tiền gửi vì hợp đồng phải dựa trên cơ sở thỏa thuận còn mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia BHTG là theo hình thức bắt buộc.

Đối tượng được hưởng các quyền lợi bảo hiểm: Mặc dù người gửi tiền được hưởng các quyền lợi trực tiếp từ chính sách bảo hiểm tiền gửi nhưng họ không phải trực tiếp tham gia bảo hiểm tiền gửi. Theo đó, trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị giải thể hoặc phá sản thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi sẽ thay mặt Chính phủ đứng ra chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật mỗi quốc gia. Số tiền vượt quá hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho mỗi khoản tiền gửi của cá nhân ở người gửi tiền sẽ được nhận trong quá trình thanh lý tổ chức tham gia BHTG với thứ tự ưu tiên về vị trí chủ nợ theo quy định của pháp luật về giải thể hoặc phá sản.

Tổ chức tham gia bảo hiểm được hưởng lợi gián tiếp từ việc tham gia BHTG: được giám sát bởi một cơ quan nhà nước, huy động vốn từ dân cư sẽ dễ dàng hơn do người gửi tiền biết họ sẽ được bảo hiểm khi gửi tiền tại tổ chức đã tham gia bảo hiểm.

Về cơ chế bảo hiểm: Ở các loại hình bảo hiểm thương mại khác, một bên là tổ chức bảo hiểm và một bên là đối tượng được bảo hiểm. Còn ở BHTG thì khác, mặc dù người gửi tiền là người được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách bảo hiểm tiền gửi nhưng không xuất hiện mối quan hệ trực tiếp về BHTG giữa người gửi tiền và tổ chức bảo hiểm trừ trường hợp xảy ra đổ vỡ của tổ chức tín dụng.

Ngoài sự khác biệt nêu trên, còn có những khác biệt về mô hình tổ chức, về hoạt động, sản phẩm dịch vụ.

1.1.6. Bản chất pháp lý của bảo hiểm tiền gửi

Chủ thể thực hiện hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động BHTG mang tính đặc thù: chỉ hình thành trong lĩnh vực tài chính, NH nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách công của mỗi nhà nước. Do đó, hoạt động BHTG không phải là biện pháp bảo đảm an toàn trong lĩnh vực NH một cách thuần túy. Hoạt động BHTG cũng không mang bản chất pháp lý của hoạt động BHTM. Chính vì vậy, hoạt động BHTG thường không được thực hiện bởi các DN hoạt động trong lĩnh vực BHTM. Cụ thể là “bảo vệ” tiền gửi thuộc sở hữu của cá

nhân, tổ chức tại các tổ chức tham gia BHTG. Để thực hiện chức năng này, tổ chức thực hiện hoạt động này có các công cụ tài chính như quỹ BHTG, công cụ pháp lý như quyền hạn, trách nhiệm trong xác lập, chấm dứt quan hệ BHTG với tổ chức tham gia BHTG, tư vấn dịch vụ BHTG cho người gửi tiền. Ở mô hình hoạt động này chi trả với quyền hạn mở rộng hơn và giảm thiểu rủi ro, PL quy định mở rộng quyền hạn, trách nhiệm cho tổ chức BHTG. Đó là: tham gia xây dựng hệ thống tiêu chí và thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá rủi ro, cảnh báo rủi ro “sớm” cho tổ chức tham gia BHTG. Hoạt động này được thực hiện trong sự phối hợp với các tổ chức, cơ quan giám sát tài chính, NH khác. Các hoạt động đó góp phần không nhỏ vào việc phát hiện sớm và ngăn chặn hiện tượng “đổ vỡ” NH.

Như vậy, địa vị pháp lý của chủ thể thực hiện các hoạt động BHTG được qui định trong pháp luật về hoạt động BHTG là công cụ đặc biệt để nhà nước thực hiện các mục tiêu chính sách công của mình. Quyền hạn, trách nhiệm được pháp luật quy định là những phương tiện pháp lý để tổ chức tài chính đặc thù thực hiện có hiệu quả các hoạt động BHTG.

Đối tượng được bảo hiểm

Đối tượng được BH của hoạt động BHTG là nghĩa vụ trả các khoản tiền gửi của chủ thể nhận tiền gửi đối với người gửi tiền. Thực tế cho thấy, hoạt động vay và cho vay của các chủ thể nhận tiền gửi tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro. Do đó, đặt ra vấn đề là cần có sự bảo đảm về mặt pháp lý đối với những khoản tiền gửi tại các chủ thể nhận tiền gửi. Pháp luật về hoạt động BHTG của các nước và Việt Nam đều xác định loại tiền gửi được BH, loại tiền gửi không được BH, mức tiền gửi tối đa được BH, chủ sở hữu của các khoản tiền gửi được BH và không được BH. Tuy nhiên, những quy định cụ thể về đối tượng được BHTG có thể khác nhau, xuất phát từ mục tiêu chủ yếu trong chính sách công và các điều kiện về KT-XH ở mỗi nước.

Chủ thể thụ hưởng từ hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Chủ thể thụ hưởng (được tổ chức thực hiện hoạt động BHTG chi trả tiền BH) từ hoạt động bảo hiểm tiền gửi không phải là chủ thể tham gia bảo hiểm tiền gửi - chủ thể đã nộp phí bảo hiểm tiền gửi mà là người gửi tiền. Đây là điểm chung của

PL về hoạt động bảo hiểm tiền gửi của các nước. Người gửi tiền tại các tổ chức tài chính nhận tiền gửi có thể là cá nhân, tổ chức. Mục đích gửi tiền của các chủ thể cũng rất đa dạng như để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tiết kiệm, tích lũy. Như trên đã phân tích, các nước đều xác định chủ thể tham gia BHTG thông qua nhiều tiêu chí, trong đó có các tiêu chí như loại tiền gửi, chủ thể gửi tiền, mục đích gửi tiền của chủ thể. Do đó, đối tượng được bảo hiểm tiền gửi có thể có sự khác nhau theo qui định của PL các nước.

1.2 Khái niệm pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Bất kỳ một thiết chế mới nào khi được thành lập và đi vào hoạt động đều cần phải dựa trên một hệ thống các quy định PL, chính vì thế đi cùng nó tất yếu phải có một khung pháp lý về bảo hiểm tiền gửi phù hợp. Do đó, việc xây dựng một khung PL hoàn chỉnh, đồng bộ, rõ ràng về bảo hiểm tiền gửi là rất cần thiết để vận hành có hiệu quả của BHTG.

Đây là một hoạt động đặc thù, mục tiêu của nó là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền, qua đó đảm bảo an toàn cho hoạt động của các NH, tạo ra sự ổn định của cả hệ thống tài chính. Để đạt được mục tiêu này thì PL về BHTG cần phải đảm bảo rằng:

Các phương thức được tổ chức BHTG sử dụng phải phù hợp với đối tượng được bảo hiểm và mô hình hoạt động. Xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan BHTG quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG. Quy định rõ ràng cơ chế, đó là những vấn đề liên quan đến việc thanh toán bảo hiểm bao gồm việc quyết định các loại TCTD bắt buộc phải tham gia BHTG, các loại tài chính thuộc diện được bảo hiểm và mức độ thanh toán bảo hiểm. Cụ thể hóa các quy định về giải quyết đổ vỡ NH ngay trong khung PL về BHTG. Xác định rõ tổ chức, cá nhân nào có trách nhiệm xem xét, giải quyết khi xảy ra tranh chấp về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia .

Trong PL của các nước cũng như trong hệ thống PL của Việt Nam, PL về BHTG là cơ sở pháp lý để BHTG hoạt động có hiệu quả, đúng với mục đích được đề ra. Trên cơ sở những lý luận chung về BHTG và các quy định, có thể đưa ra khái

niệm như sau: PL về BHTG là tổng thể các quy phạm PL do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh trong lĩnh vực BHTG, bao gồm các quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia, hạn mức, đối tượng, các trình tự, thủ tục chi trả BHTG.

1.3 Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

1.3.1 Nhóm các quy định pháp luật về chủ thể thực hiện bảo hiểm tiền gửi.

Trên cơ sở khảo sát các hệ thống PL về BHTG của Việt Nam và các quốc gia, tôi cho rằng, tổ chức là một định chế tài chính đặc thù, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động trên cơ sở PL, thực hiện các hoạt động nhằm bảo đảm các mục tiêu chính sách công của nhà nước. Tổ chức BHTG mang những đặc trưng pháp lý cơ bản sau: 1) Về vị trí pháp lý: Mặc dù được thành lập bởi Quốc hội hay Chính phủ, tổ chức BHTG có vị trí pháp lý độc lập tương đối với các cơ quan nhà nước khác. 2) Về tư cách pháp lý: Tổ chức BHTG được PL quy định có tư cách pháp nhân, có các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong quan hệ PL BHTG. 3) Về mục tiêu hoạt động: Mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG liên quan chặt chẽ đến mục tiêu chính sách công của nhà nước. 4) Về trình tự thành lập: Tổ chức BHTG được thành lập theo các trình tự được PL quy định.

1.3.2 Nhóm các quy định pháp luật về nội dung bảo hiểm tiền gửi.

Quy định pháp luật về xác lập quan hệ bảo hiểm tiền gửi.

Về xác lập quan hệ bảo hiểm tiền gửi thông qua hoạt động giao kết hợp đồng bảo hiểm tiền gửi.

Hợp đồng BHTG là một loại hợp đồng BH, ghi nhận cam kết giữa tổ chức và tổ chức tham gia trên cơ sở quy định của PL về hoạt động bảo hiểm. Trong đó, tổ chức tham gia BHTG có nghĩa vụ đóng phí BHG, tổ chức có nghĩa vụ chi trả tiền BHTG cho người thụ hưởng khi xảy ra sự kiện BHTG.

Hợp đồng BHTG có những điểm đặc thù: 1) Chủ thể của hợp đồng BHTG gồm tổ chức và tổ chức tham gia. 2) Hợp đồng BHTG là sự thỏa thuận giữa tổ chức và tổ chức tham gia nhằm xác lập một quan hệ hợp đồng BHTG dựa trên những quy định của PL về hoạt động BHTG. 3) Chủ thể của quan hệ nghĩa vụ BHTG, đó là các

chủ thể có những quyền và nghĩa vụ trong quan hệ nghĩa vụ BHTG. Cụ thể, tổ chức BHTG có nghĩa vụ chi trả tiền BHTG cho người thụ hưởng từ hoạt động BHTG khi xảy ra sự kiện BHTG.

Về xác lập quan hệ bảo hiểm tiền gửi thông qua hoạt động cấp giấy Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. Giấy chứng nhận tham gia BHTG là hình thức pháp lý của loại hình BHTG mà tổ chức tham gia BHTG theo cách thức bắt buộc. PL quy định rõ loại tổ chức nhận tiền gửi nào phải tham gia BHTG, thủ tục tham gia BHTG, điều kiện cấp, thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG chủ thể có thẩm quyền cấp, thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG. Tổ chức tài chính nhận tiền gửi phải thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp giấy Chứng nhận tham gia BHTG nhằm bảo đảm và thúc đẩy sự ổn định, an toàn trong hoạt động NH của quốc gia.

Quy định pháp luật về tạo lập, sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi

Về tạo lập quỹ bảo hiểm tiền gửi và qui mô quỹ bảo hiểm tiền gửi: Quy định các nguồn và cơ chế tạo lập quỹ BHTG, cơ chế sử dụng quỹ BHTG trong trạng thái bình thường và trong trường hợp xử lý đổ vỡ NH, quy mô quỹ BHTG nhằm bảo đảm tính hiệu quả cho hoạt động BHTG. Các phương pháp tạo lập quỹ BHTG: tạo lập quỹ BHTG trước và sau khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị đổ vỡ, theo phương pháp tổng hợp, nghĩa là, quỹ bảo hiểm tiền gửi được tạo lập từ trước và sau khi tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ. Hai là, sử dụng quỹ BHTG: Quỹ bảo hiểm tiền gửi được sử dụng chủ yếu vào mục đích chi trả tiền BH cho người gửi tiền. Chi trả BHTG là việc tổ chức BHTG thực hiện trả tiền cho người gửi tiền khi xảy ra sự kiện bảo hiểm tiền gửi. Mức chi trả BHTG do PL về hoạt động BHTG qui định hoặc do các bên trong hợp đồng bảo hiểm tiền gửi thỏa thuận là căn cứ để tổ chức BHTG tiến hành chi trả cho người gửi tiền.

Quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát chủ thể tham gia bảo hiểm tiền gửi, cảnh báo và quy định pháp luật về hỗ trợ tài chính đối với chủ thể tham gia bảo hiểm tiền gửi, quy định pháp luật về chấm dứt bảo hiểm tiền gửi và thủ tục chi trả tiền bảo hiểm

Rủi ro sớm đối với chủ thể tham gia BHTG. Tổ chức BHTG còn có thẩm quyền thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG thông qua hai hình thức là giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ đưa ra những cảnh báo sớm về nguy cơ rủi ro (nếu có) đối với tổ chức đó. Thực chất, đây là hoạt động quản lý rủi ro đối với các tổ chức tham gia BHTG.

PL quy định về hỗ trợ tài chính với tư cách là một trong những biện pháp cần thiết được áp dụng trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng chi trả. Mục đích cơ bản của việc quy định và áp dụng các biện pháp hỗ trợ tài chính nhằm giúp cho việc cơ cấu lại tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Các biện pháp hỗ trợ tài chính được tổ chức áp dụng đối với tổ chức tham gia BHTG khá đa dạng, bao gồm: cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ, có thể cấp trực tiếp hoặc gián tiếp các khoản hỗ trợ cho các tổ chức tham gia được nhận hỗ trợ.

Về chấm dứt bảo hiểm tiền gửi: Cũng như những quan hệ PL khác, quan hệ PL BHTG sẽ chấm dứt khi gặp các sự kiện pháp lý tương ứng. Đối với loại hình bảo hiểm tiền gửi tự nguyện được thể hiện bằng hình thức pháp lý là hợp đồng BHTG, các bên thoả thuận về các điều khoản nhằm chấm dứt hợp đồng BHTG giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và tổ chức tham gia. Đối với loại hình BHTG bắt buộc, tổ chức tham gia bị thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG là một sự kiện làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý trong quan hệ BHTG giữa tổ chức tham gia và tổ chức.

1.3.3 Nhóm các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ bảo hiểm tiền gửi

Khái niệm, phân loại tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG. Tranh chấp từ hoạt động BHTG là những mâu thuẫn, bất đồng giữa các chủ thể trong quan hệ về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ. Hoạt động BHTG có tính đặc thù trong NKT, có liên quan đến quyền, lợi ích của nhiều chủ thể khác nhau như tổ chức tham gia BHTG, người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG. Chủ thể trong quan hệ tranh chấp phát sinh từ hoạt động BH bao gồm tổ chức, người gửi tiền tại tổ chức tham gia. Xuất phát từ đặc điểm, tính chất của quan hệ xã hội phát sinh

trong lĩnh vực hoạt động BHTG là vừa mang tính bình đẳng, vừa mang tính bất bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do đó, tính chất quan hệ tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG giữa các bên chủ thể khá đa dạng: có thể mang tính hành chính hoặc dân sự. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG phải bảo đảm các yêu cầu nhất định. Với những nét đặc thù của tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG, các phương thức giải quyết tranh chấp cũng khá đa dạng: Đối với các tranh chấp mang tính hành chính, bên bị vi phạm có thể áp dụng phương thức khiếu nại, khiếu kiện hành chính hoặc có thể áp dụng cơ chế tài phán hành chính (Tòa án hành chính). Đối với các tranh chấp mang tính chất dân sự, phương thức giải quyết có thể là thương lượng, hoà giải, hoặc giải quyết bằng tổ chức tài phán nhà nước như Toà án.

1.3.4 Nguyên tắc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

PL về BHTG phải thể chế hóa các mục tiêu chính sách công của nhà nước trong lĩnh vực TC, NH. Phải bảo đảm vị trí pháp lý độc lập “tương đối” của tổ chức BHTG. Đồng thời duy trì được sự tin tưởng, tâm lý yên tâm của người gửi tiền đối với hệ thống NH và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

1.4 Sự hình thành và phát triển của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.

Đầu những năm 1988 – 1990 của thế kỷ 20, hàng loạt TCTD đô thị bị đổ vỡ trên toàn quốc gây ra những bất ổn về kinh tế chính trị, đặc biệt làm lòng tin của người dân đối với hệ thống tài chính ngân hàng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Trong bối cảnh như vậy việc lấy lại niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính NH là yêu cầu quan trọng đặt ra để tránh tình trạng người dân có tích lũy sẽ không gửi tại NH hoặc tìm kiếm các kênh đầu tư khác gây ảnh hưởng đến quá trình huy động vốn phục vụ phát triển kinh tế của hệ thống tài chính NH. Nên khi mô hình QTDND được triển khai thí điểm theo QĐ số 390/QĐ-TTG ngày 27/07/1993 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ tài chính cũng ban hành Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm của QTDND đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, theo quyết định số 101-TCQĐ/BH ngày 01/02/1994.

Theo đó, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam lúc đó (Bảo Việt) đã triển khai nghiệp vụ BHTG, đây là khởi đầu của chính sách BHTG ở nước ta.

Những ngày đầu đi vào hoạt động BHTG VN đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Nhiều QTDND cơ sở trên các địa bàn khác nhau hoạt động yếu kém, một số quỹ còn có nguy cơ đổ vỡ. Số lượng QTDND tham gia BHTG còn ít chỉ có khoảng 162 quỹ (1995) chiếm 33,22% tổng số dư tiền gửi trong cả nước tại thời điểm đó. Đến năm 1997 có 370 QTDND tham gia BHTG với số tiền thuộc đối tượng bảo hiểm là 322 tỷ VNĐ. Đối tượng tham gia BHTG thời điểm này chỉ hạn chế ở QTDND còn các tổ chức có huy động tiền gửi khác không tham gia.

Hoạt động BHTG do Bảo Việt tiến hành không đảm bảo các điều kiện cho sự thành công của một tổ chức BHTG như chức năng hạn chế (chỉ thực hiện việc chi trả tiền gửi khi tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ), việc tham gia BHTG là tự nguyện.. Vì vậy, hoạt động đó thiếu tính chuyên nghiệp và không theo thông lệ quốc tế, không đảm bảo các điều kiện hoạt động thành công của tổ chức BHTG. Trong khi đó do thực hiện chính sách kinh tế mở, và nền KT phát triển theo hướng thị trường, hệ thống tài chính NH của nước ta phát triển mạnh mẽ và thực hiện đổi mới về nhiều mặt, điều đó làm gia tăng rủi ro và yêu cầu kiểm soát rủi ro cũng như bảo vệ người gửi tiền là điều tất yếu được đặt ra. Do vậy để hạn chế những rủi ro đó và bảo vệ được người gửi tiền thì việc thay đổi mô hình tổ chức, cách thức hoạt động của BHTG VN là điều hết sức cần thiết, đáp ứng được yêu cầu khách quan của thị trường tài chính cũng như toàn bộ nền KT. Vì vậy tại khoản 1 điều 17, Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 1997 đã quy định “ Tổ chức tín dụng có trách nhiệm tham gia tổ chức bảo toàn tiền gửi hoặc bảo hiểm tiền gửi” Điều đó là cơ sở quan trọng để tổ chức BHTG ra đời. Tiếp sau đó, tuy không chịu ảnh hưởng nhiều từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 nhưng đây là hồi chuông cảnh báo cho hệ thống NH nước ta, cần phải chú trọng hơn nữa đến vấn đề bảo hiểm. Bên cạnh đó, cùng với xu hướng thành lập mô hình BHTG trên thế giới và sự hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ ở nước ta thời kỳ đó, việc thành lập tổ chức BHTG là vô cùng cần thiết.

Trong bối cảnh đó, BHTG VN đã được thành lập theo quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ, và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 07/07/2000 theo khung pháp lý là Nghị định 89/1999/NĐ-CP, Nghị định 109/2005/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89), Quyết định 75/2000/QĐ-TTg nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính – ngân hàng và góp phần cho việc củng cố nâng cao niềm tin của công chúng vào hệ thống tài chính ngân hàng. BHTG VN là tổ chức duy nhất thực hiện chính sách BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền, hỗ trợ các TCTD gặp khó khăn; kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động NH.

Từ 1.000 tỷ đồng vốn điều lệ được Nhà nước cấp khi thành lập, đến nay BHTG VN đã tích lũy được tổng nguồn vốn hơn 20.000 tỷ đồng; trong 5 năm qua, BHTG đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 20%.

Tính đến tháng 6/2014, có 1.236 tổ chức tham gia BHTG; tăng 11% so với năm 2008. Số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm là 30 triệu, với số dư tiền gửi đạt trên 2,2 triệu tỷ đồng. Được biết trong 15 năm qua, BHTG đã chi trả cho 1.800 người gửi tiền tại 39 Quỹ tín dụng nhân dân bị giải thể phá sản. Số tiền BHTG VN đã thu hồi được đạt khoảng 40% số tiền đã chi trả cho người gửi tiền.

Trong quá trình phát triển, được sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo NHNN Việt Nam, sự hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan chức năng, Bộ, Ban ngành của Chính phủ và các đơn vị trực thuộc NHNN, BHTG VN đã từng bước đi vào hoạt động ổn định. Trong giai đoạn đầu hệ thống BHTGVN gồm có Trụ sở chính và 6 Chi nhánh khu vực. Bộ máy Trụ sở chính bao gồm Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ. Các chi nhánh cũng hành thành các phòng chức năng về BHTG.

Năm 2006, BHTGVN thực hiện tái cấu trúc bộ máy, tách Phòng Giám sát thành Phòng giám sát hệ thống ngân hàng và Phòng giám sát các TCTD khác; tách Phòng kiểm tra thành phòng kiểm tra hệ thống NH và phòng kiểm tra các TCTD khác; thành lập phòng Nghiên cứu tổng hợp và hợp tác quốc tế. Sau đó, BHTGVN triển khai tái cấu trúc các Chi nhánh. Trong giai đoạn này, BHTGVN đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng với việc đề xuất nâng cao cơ sở hạ tầng pháp lý cho hoạt động BHTG.

Năm 2007, Chính phủ đã giao cho NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan xây dựng luật BHTG. Trên cơ sở, BHTGVN đã chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham mưu với NHNN về các nội dung của Luật. Luật BHTG chính thức có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2013, hoạt động BHTG đã được điều chỉnh bởi cơ sở pháp lý cao nhất.

Ngày 01/4/2016 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 527/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN ban hành kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-TTG ngày 13/08/2013. Tại quyết định này mô hình tổ chức và hoạt động của BHTGVN đã được xác định rõ “là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ”. Việc xác định rõ ràng mô hình hoạt động đã tạo ra một địa vị pháp lý vững chắc và bền vững cho BHTGVN.

Ngày 24/3/2016 Thống đốc NHNN ký quyết định số 405/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3090/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 về cơ cấu, tổ chức của BHTGVN. Tại quyết định này Thống đốc NHNN đã chấp thuận cho BHTGVN mở thêm 02 chi nhánh mới: Chi nhánh khu vực Tây Bắc Bộ có trụ sở tại Thành phố Việt Trì và chi nhánh Đà Nẵng có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng, chính thức đưa số chi nhánh trực thuộc BHTGVN lên 8 chi nhánh trên toàn quốc. Song song với việc thành lập thêm 02 chi nhánh mới, BHTGVN được thành lập thêm 2 phòng mới: Phòng kiểm soát đặc biệt và Thanh lý tài sản; Phòng đào tạo. Đây là một bước ngoặt quan trọng trong việc xác định mô hình tổ chức và mở rộng quy mô hoạt động của BHTGVN, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của tổ chức này.

Ngày 28/11/2002, Văn phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 6634/VPCP-QHQT thông báo ý kiến của Thủ tướng chính phủ cho phép BHTG VN tham gia làm thành viên của Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI), và BHTGVN cũng là thành viên Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam. Tháng 3 năm 2007 BHTGVN lần đầu tiên đã đăng cai và tham gia tổ chức thành công Hội nghị thường niên Ủy ban BHTG khu vực Châu Á lần thứ 5 (ARC5) và Hội thảo quốc tế về BHTG.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong lĩnh vực tài chính, các tổ chức nhận tiền gửi ngày càng gia tăng về số lượng, phát triển về quy mô vốn và đa dạng về sản phẩm dịch vụ. Các TCTD đang cố gắng đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu khắt khe của NKT. Thực tế đó đã đặt các TCTD vào cuộc cạnh tranh khốc liệt. Một trong những nhân tố bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của các TCTD là sự tin tưởng, yên tâm của các cá nhân, để gửi các khoản tiền của mình. Mặt khác, trong hoạt động kinh doanh, các TCTD phải đối mặt với những rủi ro khác nhau, có thể ảnh hưởng đến cả hệ thống tài chính. Vì vậy, cần thiết phải bảo vệ quyền lợi về tài sản của cá nhân, tổ chức gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi cũng như bảo đảm sự an toàn, giảm thiểu rủi ro cho chính các tổ chức này. PL về hoạt động BHTG là công cụ pháp lý quan trọng bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân, tổ chức gửi tiền. Đồng thời, hoạt động của các TCTD an toàn thông qua các quy định PL về nghiệp vụ BHTG. Từ đó, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực TC-NH, góp phần duy trì an ninh tài chính quốc gia, trật tự và an toàn XH. Kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về BHTG và PL về hoạt động BHTG là tiền đề để nghiên cứu nội dung điều chỉnh của PL về hoạt động BHTG của các nước cũng như Việt Nam. Trên cơ sở đó, đánh giá thực tiễn pháp lý về BHTG ở ngân hàng SHB đưa ra những đề xuất nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI Ở NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN HÀ NỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA

2.1 Vài nét về ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) được thành lập theo các quyết định số 214/QĐ-NH5 ngày 13/11/1993; Quyết định số 93/QĐ-NHNN ngày 20/01/2006 và số 1764/QĐ-NHNN ngày 11/09/2006. Trải qua 23 năm xây dựng và phát triển, SHB tự hào là một trong những ngân hàng thương mại có tốc độ phát triển mạnh mẽ qua từng năm, gặt hái nhiều thành công rực rỡ nhờ chiến lược phát triển toàn diện song hành với mục tiêu phát triển vì lợi ích của cộng đồng. Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, Giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới nhằm mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông – nhà đầu tư, SHB luôn làm hài lòng khách hàng và đối tác với những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích, chất lượng và cạnh tranh với phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB), tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ. Năm 2006, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nông thôn Nhơn Ái được chuyển đổi mô hình hoạt động lên Ngân hàng TMCP Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. • Giai đoạn 2008 – 2011 chứng kiến nhiều đổi thay to lớn của SHB: Năm 2008, SHB chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra thủ đô Hà Nội. Năm 2009, SHB là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội. Năm 2010, SHB chính thức đưa vào hoạt động hệ thống CoreBanking Intellect hiện đại và hệ thống Công nghệ thẻ mới SmartVista hiện đại. Năm 2011, SHB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 2012, SHB đã chủ động

nhận sáp nhập ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank). Sau sáp nhập, SHB đã có bước chuyển biến mạnh mẽ so với các NH cạnh tranh trực tiếp trên thị trường. Đồng thời, SHB là một trong số các NH tại Việt Nam đã đi tiên phong trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế thông qua việc mở Chi nhánh tại Campuchia và Lào. Năm 2013 SHB kỷ niệm 20 năm ngày thành lập và vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng nhì của Chủ tịch ghi nhận những đóng góp của SHB đối với ngành NH nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung. Năm 2014-2015, SHB tiếp tục phát huy thế và lực để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hiệu quả, bền vững, đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc SHB đã vinh dự được Quốc vương Campuchia trao tặng Huân chương Hàm đại tướng quân cho những đóng góp quan trọng nhằm xây dựng, phát triển Vương quốc Campuchia và mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam và Campuchia.

Tính đến hết quý I năm 2016, SHB trở thành một định chế tài chính có quy mô lớn của Việt Nam với tổng tài sản đạt gần 205 nghìn tỷ đồng, vốn điều lệ gần 9.500 tỷ đồng, hơn 3,5 triệu khách hàng tổ chức và cá nhân, gần 7.000 cán bộ nhân viên toàn hệ thống, mạng lưới kinh doanh rộng lớn với gần 500 chi nhánh và phòng giao dịch trải dài trên cả nước và 03 chi nhánh tại Lào, Campuchia. Với những thành tích đã đạt được SHB vinh sự nằm trong Top 5 Ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam, phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam.

SHB đặt mục tiêu đến năm 2020 trở thành Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế với hạ tầng công nghệ hiện đại, nhân sự chuyên nghiệp, mạng lưới rộng trên toàn quốc và quốc tế nhằm mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm dịch vụ đồng bộ, tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng dịch vụ cao. Để thực hiện mục tiêu này, SHB xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, có tính định hướng dài hạn với chiến lược cạnh tranh, luôn tạo ra sự khác biệt, hướng tới thị trường và KH. Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng đồng bộ có chiều sâu trên toàn hệ thống, chất lượng, hiệu quả và chuyên nghiệp đảm bảo cho hoạt động được an toàn bền vững. Xây dựng văn hóa SHB thành yếu tố tinh thần

gắn kết xuyên suốt toàn hệ thống. Đồng thời xây dựng chiến lược quản trị và đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, đảm bảo quá trình vận hành thông suốt, hiệu quả và liên tục trên toàn hệ thống. Phát triển các sản phẩm dịch vụ, tăng trưởng lợi nhuận từ dịch vụ/ tổng lợi nhuận qua từng năm với nền tảng công nghệ hiện đại tiên tiến. Luôn đáp ứng lợi ích cao nhất của các cổ đông, các nhà đầu tư vì một SHB Thịnh Vượng.

Ngoài ra SHB còn chú trọng xây dựng “Văn hóa SHB” tạo ra một môi trường văn hóa làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả đồng thời khẳng định uy tín, thương hiệu bản sắc văn hóa doanh nghiệp riêng của SHB. Không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh góp phần xây dựng nền kinh tế đất nước, SHB còn xác định những mục tiêu cốt lõi đối với cộng đồng và xã hội. Theo đó, SHB luôn nỗ lực để hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, bền vững, đem lại giá trị cao nhất cho các cổ đông, khách hàng và cán bộ nhân viên. SHB luôn chú trọng các công tác xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng và coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để NH phát triển bền vững, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. SHB cam kết bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững của đất nước. Tiêu chí quan trọng được SHB đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường.

Các rủi ro của NH

Đối với các TCTD nói chung và SHB nói riêng rủi ro chủ yếu đến từ nguy cơ nợ xấu vẫn ở mức cao. Hoạt động của các NH có thể trở nên khó khăn hơn khi bị điều chỉnh bởi các quy định mới về hành lang pháp lý hoạt động. Việc tiếp tục phát triển quy mô hoạt động, nâng cao năng lực quản trị, điều hành trong bối cảnh thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro với mức độ phức tạp ngày càng cao đòi hỏi SHB phải tập trung phát huy mọi nguồn lực, chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu ở mức cao nhất để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Công tác quản lý rủi ro SHB đã xây dựng cơ cấu tổ chức và quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể và vai trò, trách nhiệm của các cấp tham gia vào hoạt động quản lý rủi ro trên tất cả các lĩnh vực, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của cơ quan

quản lý và điều kiện của SHB. Hội đồng Quản trị: Chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất đối với công tác của ngân hàng. Thực hiện phê duyệt chiến lược của SHB trong từng thời kỳ. Phê duyệt cơ cấu tổ chức, phân cấp ủy quyền. Ban hành và định kỳ xem xét lại chiến lược, chính sách, quy định, các giới hạn. Ủy Ban quản lý rủi ro: Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro, đồng thời giám sát việc thực thi các chính sách quản trị rủi ro trong toàn hệ thống đề tư vấn cho hội đồng quản trị trong việc điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Ban Kiểm soát: Chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc thực hiện các chiến lược, quy chế, quy trình và giới hạn quản lý rủi ro của các đơn vị trong toàn hệ thống, đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của PL và của SHB, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Kiểm toán nội bộ: Chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đánh giá độc lập về tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc triển khai các quy chế và quy trình quản lý rủi ro và đưa ra các kiến nghị thay đổi khi cần thiết. Ban điều hành: Chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các quy trình và phương pháp nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro phù hợp với khả năng chịu đựng rủi ro của NH đảm bảo các quy trình, thủ tục quản lý rủi ro và bộ phận quản lý rủi ro được thiết lập đầy đủ, rõ ràng. Các bộ phận quản lý rủi ro tại Hội sở tham mưu cho TGD về xây dựng các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi ro. Thực hiện công tác giám sát, xử lý rủi ro trong công tác tín dụng và các rủi ro hoạt động của SHB tại tất cả các bộ phận nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động của SHB. Bộ máy SHB được thiết kế đảm bảo sự quản lý chặt chẽ theo chiều dọc, thể hiện ở sự quản lý thống nhất từ các khối kinh doanh, ban hỗ trợ tại Trụ sở chính tới các phòng/bộ phận hỗ trợ tại các chi nhánh/phòng giao dịch trong hệ thống. Sự thống nhất về quản lý theo chiều dọc đảm bảo sự vận hành xuyên suốt từ các cấp lãnh đạo cao nhất tới từng đơn vị kinh doanh, hạn chế rủi ro cho NH.

2.2. Về nội dung bảo hiểm tiền gửi

2.2.1. Về hoạt động cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

Theo quy định của PL về hoạt động BHTG hiện hành của Việt Nam, mục tiêu cơ bản của hoạt động của nó là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền nhỏ, khuyến khích công chúng tham gia gửi tiền tại Ngân hàng SHB theo các hình thức như gửi tiền tiết kiệm. Vì vậy, Ngân hàng SHB nhận tiền gửi của công chúng hay tổ chức khác được phép thực hiện hoạt động NH tại Việt Nam tham gia BHTG theo hình thức bắt buộc. Hình thức pháp lý của quan hệ BHTG là giấy Chứng nhận. Quy định pháp luật về thủ tục cấp giấy Chứng nhận tham gia BHTG tuy mới được ban hành nhưng đã thể hiện sự bất cập. Đó là:

Theo Điều 14, Luật BHTG 2012 quy định “Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia BHTG phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia BHTG cho tổ chức BHTG” [Khoản 1]. “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia BHTG, BHTGVN có trách nhiệm cấp giấy Chứng nhận tham gia bảo hiểm cho tổ chức tham gia BHTG” [Khoản 2]. “Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: a) Đơn đăng ký tham gia BHTG; b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” [Khoản 3]. Tuy nhiên, không có bất kì qui định nào về điều kiện cấp Chứng nhận tham gia BHTG, quyền hạn của BHTGVN trong việc cùng cơ quan nhà nước khác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia BHTG. Nếu “khoảng trống” này không được khắc phục, thì rủi ro trong hoạt động BHTG sẽ hiện hữu.

Chưa có quy định về các biện pháp chế tài sẽ áp dụng đối với ngân hàng SHB hay TCTD khác nếu không thực hiện thủ tục tham gia BHTG theo quy định của PL. Mặt khác, không có quy định cho BHTGVN can thiệp xử lý vi phạm nghĩa vụ tham gia BHTG của TCTD cũng như ngân hàng SHB.

Theo quy định, Ngân hàng SHB nhận tiền gửi hoặc chi nhánh của NH phải hoàn thành thủ tục tham gia BHTG để được cấp giấy Chứng nhận tham gia BHTG

trước khi tiến hành hoạt động. NH SHB hay còn được gọi là NH nội địa là chủ thể có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong hệ thống tài chính của quốc gia. Việc xác định tính chất “nội địa” của tổ chức này chủ yếu căn cứ vào các tiêu chí như dấu hiệu quốc tịch hay trụ sở của chủ sở hữu, nơi NH đăng ký thành lập, nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh chủ yếu của NH.

Cũng như các nước trên thế giới, ở Việt Nam, NH nội địa là nhân tố nòng cốt tạo nên hệ thống thành viên trong hệ thống BHTG. Bởi vì, hệ thống NH nội địa đóng vai trò chủ chốt đối với hoạt động của tài chính trong nước. Mặt khác, các NH nội địa nắm giữ đại đa số tiền gửi của người gửi tiền, đặc biệt là người gửi tiền nhỏ lẻ. Đồng thời, tiền gửi tại các NH nội địa phần lớn là đồng nội tệ. Hệ thống NH nội địa có thể thuộc các hình thức sở hữu khác nhau, trong đó có NH thuộc sở hữu nhà nước. Đây là một loại tổ chức tài chính nhận tiền gửi đầu tiên được các nhà hoạch định chính sách BHTG cân nhắc về việc có quy định tổ chức này tham gia BHTG hay không?

Bởi vì, khi lựa chọn chủ thể tham gia BHTG, có nhiều ý kiến khác nhau về quy định tham gia BHTG đối với các NH thuộc sở hữu nhà nước. Có quan điểm cho rằng, hệ thống NH này có thể không cần thiết phải tham gia BHTG[106;p.55]. Thông thường, hệ thống NH thuộc sở hữu nhà nước thường được hưởng lợi từ sự bảo trợ “ngầm” của nhà nước. Sự phá sản NHNN không thể xảy ra. Quyền lợi của người gửi tiền sẽ được NN bảo đảm. Ngược lại, quan điểm khác cho rằng nên quy định sự tham gia BHTG đối với các NH này [106; p.55]. Bởi vì, tại một quốc gia đã triển khai hệ thống BHTG chi trả theo hạn mức và quy định công khai về hoạt động BHTG, cần phải tạo sự bình đẳng về mặt pháp lý cho mọi tổ chức nhận tiền gửi trong việc thực hiện trách nhiệm đối với người gửi tiền, phân hoá rủi ro trong hoạt động NH, tăng nguồn thu cho tổ chức BHTG thúc đẩy tiến độ cổ phần hoá NH thuộc sở hữu nhà nước xây dựng một cơ chế giám sát hiệu quả, hiện đại.

PL về hoạt động BHTG của Việt Nam đã xác định mô hình hoạt động BHTG công khai thì cần thiết phải quy định sự tham gia BHTG của các NH thuộc sở hữu nhà nước. Bởi vì, các NH thuộc sở hữu nhà nước nhận và giữ tỉ lệ lớn tiền gửi của

các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Trường hợp NH mất khả năng thanh toán mà NH không tham gia BHTG và nhà nước từ chối “bom” tiền để cứu NH thì quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền không được bảo đảm. Mặt khác, việc tham gia BHTG sẽ buộc các NH này phải thực hiện các biện pháp phòng tránh rủi ro, có trách nhiệm đối với nguồn vốn của nhà nước cũng như đối với tiền gửi của người gửi tiền đồng thời giảm gánh nặng cho NSNN. Ngoài ra, bảo đảm sự công bằng và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức nhận tiền gửi. Đặc biệt, trong tương lai, khi Việt Nam áp dụng mô hình hoạt động BHTG giảm thiểu rủi ro thì việc các NH nhà nước tham gia BHTG là tất yếu.

Chi nhánh NH nước ngoài là tổ chức đặt ở nước ngoài nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh của NH sang một nước nào đó (nước chủ nhà). Do đó, mỗi nước có qui định khác nhau về điều kiện, cách thức tham gia BHTG của chi nhánh và đại lý NH nước ngoài. Bên cạnh đó, quy định nghĩa vụ tham gia BHTG của chi nhánh, đại lý NH nước ngoài tại quốc gia sở tại tạo môi trường bình đẳng giữa NH nội địa và NH nước ngoài. Hiện nay như SHB có chi nhánh tại Lào và Campuchia. Các chi nhánh này cũng đã tham gia BHTG tại quốc gia sở tại và tuân theo quy định của luật BHTG của quốc gia đó.

Bên cạnh đó PL về BHTG Việt Nam quy định các TCTD tham gia BHTG theo hình thức bắt buộc, điều này là hợp lý. Bởi vì, quy định đó sẽ tránh được tình trạng TCTD “yếu, kém” mới tham gia BHTG, còn TCTD hoạt động tốt, quản lý có hiệu quả thường từ chối tham gia BHTG. Từ đó, sẽ tránh rủi ro lựa chọn nhầm lẫn đối tượng tham gia BHTG. Đặc biệt, trong điều kiện thực tế ở Việt Nam chưa thể áp dụng các tiêu chí xếp hạng TCTD cũng như phân loại rủi ro hoạt động của các TCTD. Mặt khác, quy định tham gia BHTG bắt buộc tạo góp phần tạo lập và phát triển nguồn quỹ BHTG thông qua nghĩa vụ đóng phí BHTG của ngân hàng.

Tuy nhiên, bên cạnh các NH trong nước và chi nhánh, đại lý NH nước ngoài, nền kinh tế thị trường còn chứng kiến sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của các tổ chức tài chính phi NH. Thực tế ở các nước cho thấy, các tổ chức tài chính phi NH có vai trò khá quan trọng trong hoạt động NH do cung cấp các dịch vụ tiền gửi hay

các dịch vụ tương tự và chịu sự giám sát an toàn ở mức độ phù hợp. Quy định sự tham gia của các tổ chức tài chính phi NH bảo đảm được sự bình đẳng giữa các tổ chức cung cấp sản phẩm tương tự tiền gửi. Đồng thời, góp phần duy trì sự ổn định của ngành tài chính thông qua việc mở rộng hệ thống giám sát hợp nhất cho cả những tổ chức nhận tiền gửi này.

2.2.2. Về hoạt động tạo lập, sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi

Nhìn chung, PL về hoạt động BHTG của các quốc gia thường quy định về mức ổn định của quỹ BHTG trong điều kiện nền KT ở trạng thái bình thường và cách thức huy động quỹ trong điều kiện có khủng hoảng kinh tế - tài chính[106; p.71]. Đó là cơ sở pháp lý quan trọng để SHB tham gia BHTG có được tiềm lực tài chính mạnh, bảo đảm sự ổn định đối với hoạt động NH. Quỹ BHTG được hình thành từ nhiều nguồn như: phí BHTG, dự trữ tiền gửi, các nguồn thu từ hoạt động đầu tư của NH được pháp luật cho phép, từ nguồn vay hoặc tiếp nhận hỗ trợ tài chính của NHNN, vay có bảo lãnh của NNNN, phát hành trái phiếu.

Mặt khác, khi vốn điều lệ của ngân hàng SHB đã tăng lên rất nhiều so với ngày đầu thành lập. Tính đến quý 1 năm 2016 tổng tài sản đạt gần 205 nghìn tỷ đồng, vốn điều lệ gần 9.500 tỷ đồng, hơn 3.5 triệu khách hàng tổ chức và cá nhân thì số tiền gửi được BH đã tăng lên rất nhiều. Ngoài ra, hạn mức chi trả tiền BH đã được quy định tăng từ 30 triệu đồng (từ khi BHTGVN bắt đầu đi vào hoạt động) lên mức 50 triệu đồng (từ năm 2005 đến nay) đã đặt ra cho SHB trước những thách thức lớn khi thực hiện nhiệm vụ chi trả tiền BH cho người gửi tiền. SHB có chi nhánh tại Lào và Campuchia, tương ứng với mức chi trả BHTG tại các nước là 20 triệu kíp – tương đương 60 triệu đồng và BH 100% số tiền gửi. Trên thực tế, tỉ lệ dự trữ sẽ cho thấy quỹ BHTG của ngân hàng SHB ở trạng thái nào (thừa hay thiếu). Từ đó, dự liệu những giải pháp xử lý phù hợp. Cụ thể, được dùng vào việc tạo lập quỹ dự phòng nghiệp vụ, bổ sung vào nguồn vốn hoạt động, chi trả tiền BH cho người gửi tiền.

Thực tiễn trên thế giới đang tồn tại chủ yếu 2 phương pháp thu phí BHTG tùy theo mức độ phát triển của thị trường tài chính và năng lực của cơ quan quản lý,

giám sát BHTG. Phương pháp thu thứ nhất là xác định một mức thu đồng hạng, thống nhất cho tất cả cá tổ chức nhận tiền gửi; phương pháp thu thứ hai là thu mức phí căn cứ vào mức độ rủi ro của tổ chức nhận tiền gửi.

Hiện nay mức phí BHTG ở Việt Nam được thu đồng hạng vẫn giữ nguyên từ khi mới triển khai hoạt động BHTG là 0,15% tổng số dư tiền gửi được BH tại Ngân hàng. Việc điều chỉnh mức phí BHTG này theo loại hình tổ chức tham gia BHTG hoặc trên cơ sở đánh giá, xếp loại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của tổ chức BHTG và ý kiến của NHNN Việt Nam, Bộ Tài chính. Nếu BHTG nhận đủ tiền đóng góp của SHB để chi trả BHTG, thì các TCTD ít rủi ro phải gánh chịu những khoản kinh phí cho phần lợi ích mà các TCTD có độ rủi ro cao nhận được. Mà nguồn quỹ BHTG thu từ phí BHTG còn thấp. Trước tình hình hoạt động tín dụng trong nước tăng trưởng “nóng” hiện nay, nguy cơ đổ bể của các ngân hàng đang đặt BHTGVN trước thách thức không nhỏ.

Về sử dụng quỹ BHTG trong việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền:

Quỹ BHTG được sử dụng để thực hiện các hoạt động BHTG như chi trả tiền BH cho người gửi tiền tại ngân hàng SHB khi xảy ra sự kiện BHTG, hỗ trợ tài chính đối với NH khi gặp khó khăn trong kinh doanh. Trong đó, NH được sử dụng quỹ BHTG để thực hiện một số hoạt động đầu tư nhằm gia tăng quỹ BHTG. NH được quyền mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, tín phiếu NHNN hoặc TCTD nhà nước.

Theo PL của Việt Nam, đối tượng của BHTG là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân, tổ chức gửi tại SHB là tổ chức tham gia BHTG. Theo đó, phạm vi về chủ thể thụ hưởng từ hoạt động BHTG bao gồm cá nhân và tổ chức. Tuy nhiên, không phải tất cả các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các TCTD của mọi cá nhân, tổ chức đều được BH. Các chi nhánh của SHB tại nước ngoài lại hoạt động theo PL và quy định của NHNN của nước sở tại cụ thể là Lào và Campuchia.

Theo điều 18 của luật BHTG năm 2012 quy định: “Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền

gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 19 của Luật này.” Và tại điều 19 quy định: “Tiền gửi không được bảo hiểm 1. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó. 2. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó. 3. Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.(mặc dù Luật BHTG tại Điều 18 quy định đối tượng được BH là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân nhưng không có quy định về ngưng hiệu lực đối với các văn bản quy phạm pháp luật trước đó).

Về quy định đối với tiền gửi không được bảo hiểm.

Đối với tiền gửi là ngoại tệ và vàng, đối tượng BHTG được giới hạn đối với các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, không thực hiện BH đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, vàng. Trong thời kỳ đầu, khi Việt Nam mới triển khai xây dựng nền KT thị trường định hướng XHCN, quy định này là phù hợp. Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, phần lớn các giao dịch của các tổ chức nhận tiền gửi nói chung và NH SHB nói riêng được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam. Hơn nữa, tổng giá trị tiền gửi bằng ngoại tệ tại các tổ chức nhận tiền gửi không đáng kể. Quan điểm khác cho rằng, quy định chỉ BH đối với đồng Việt Nam cũng phù hợp với các quy định về quản lý ngoại hối, chống tình trạng đô la hoá, bảo vệ đồng tiền trong nước. Lại có quan điểm cho rằng nếu quy định BHTG đối với tiền gửi bằng ngoại tệ sẽ dẫn đến những phức tạp trong thực hiện xác định mức phí BHTG, quy định hạn mức chi trả BHTG, thực hiện chi trả BHTG: sử dụng đồng tiền trong nước hay sử dụng ngoại tệ, nếu sử dụng đồng tiền trong nước thì xác định tỷ giá như thế nào?

Quy định của PL chỉ BH cho tiền đồng Việt Nam với những lập luận như trên chưa thực sự hợp lý. Điều đó được thể hiện qua các lý do như sau:

Theo thống kê tình hình huy động vốn bằng ngoại tệ của ngân hàng SHB trong những năm qua, có thể nhận thấy tỷ lệ tiền gửi bằng ngoại tệ trong tổng vốn huy động của NH chiếm tỉ lệ đáng kể.

Trên thực tế, chủ sở hữu của các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ bao gồm cả cá nhân và tổ chức. Vậy, vấn đề đặt ra là quyền sở hữu hợp pháp đối với loại tài sản này của họ có được pháp luật BHTG Việt Nam bảo vệ hay không?

Đối với quan điểm cho rằng không BH đối với ngoại tệ nhằm chống trào lưu đôla hóa[8], tôi cho rằng, chống “đôla” hóa được thể hiện thông qua quy định của PL cấm/ hạn chế thanh toán bằng “ngoại tệ” đối với các giao dịch dân sự không có yếu tố nước ngoài. Hơn nữa, “đôla” chỉ là một trong những loại ngoại tệ đã và đang được gửi tại NH. Chống đôla hóa không đồng nghĩa với việc cấm/ hạn chế gửi tiết kiệm hoặc gửi ngoại tệ tại các TCTD.

Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), đã và đang thực hiện các cam kết của WTO về mở cửa thị trường, tự do hoá các giao dịch thương mại. Do đó, các chủ thể trong nước và nước ngoài sử dụng các dịch vụ tại các NH SHB với các phương tiện thanh toán, đồng tiền thanh toán ngày càng trở nên đa dạng. Quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu khoản tài khoản ngoại tệ cần thiết phải được PL bảo vệ.

Việt Nam kêu gọi và thực hiện khuyến khích kiều bào gửi ngoại hối về Việt Nam. “Đáp lại” lời kêu gọi này, trên thực tế, giá trị ngoại hối về Việt Nam không ngừng tăng lên trong những năm qua. Do vậy, quy định không BH đối với các khoản tiền gửi là ngoại tệ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút các nguồn vốn ngoại tệ từ các cá nhân, tổ chức nước ngoài cũng như từ kiều bào Việt Nam tại nước ngoài để phát triển kinh tế của đất nước.

PL về hoạt động BHTG không BH đối với ngoại tệ và vàng được các cá nhân, tổ chức gửi tại SHB. Do đó SHB khó có khả năng thu hút được nguồn vốn ngoại tệ và vàng lớn trong nước. Theo thống kê chưa đầy đủ, lượng ngoại tệ và

vàng dự trữ trong nước của dân cư chiếm tỉ lệ đáng kể. Nếu các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ và vàng được BH thì cơ hội thu hút vốn nhàn rỗi từ nguồn này tại SHB trong nước sẽ tăng lên.

Về quy định đối với tiền gửi để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền.

Một trong các loại tiền gửi của người gửi tiền không được BHTG tại NH là tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền. Các khoản tiền gửi này dùng để ký quỹ, đặt cọc mà người gửi tiền thực hiện các nghĩa vụ tài sản trong các quan hệ hợp đồng cụ thể. Thực tế, SHB nhận tiền gửi không thể chủ động xác định thời hạn gửi các khoản tiền gửi đó. Bởi vì, việc sử dụng số tiền trên phụ thuộc vào việc người gửi tiền thực hiện nghĩa vụ thanh toán và NH SHB nhận tiền gửi rơi vào tình trạng bị động khi người gửi tiền rút khoản tiền này hoặc người gửi tiền không thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền, bên có quyền yêu cầu tổ chức nhận tiền gửi nơi ký quỹ thanh toán. Mặc dù người ký quỹ có mục đích là thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng tôi cho rằng đây cũng là tiền gửi của người gửi tiền tại Ngân hàng nhận tiền gửi theo quy định của PL. Do đó, quyền lợi hợp pháp của đối tượng này cần được PL bảo vệ.

Về hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi

Hạn mức chi trả tiền bảo hiểm cũng là một vấn đề cốt lõi của hoạt động BHTG. Hạn mức chi trả tiền bảo hiểm phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng nhìn chung phụ thuộc vào các yếu tố cơ bản sau: Thu nhập quốc nội, bình quân đầu người, quy mô tỷ lệ quỹ bảo hiểm tiền gửi

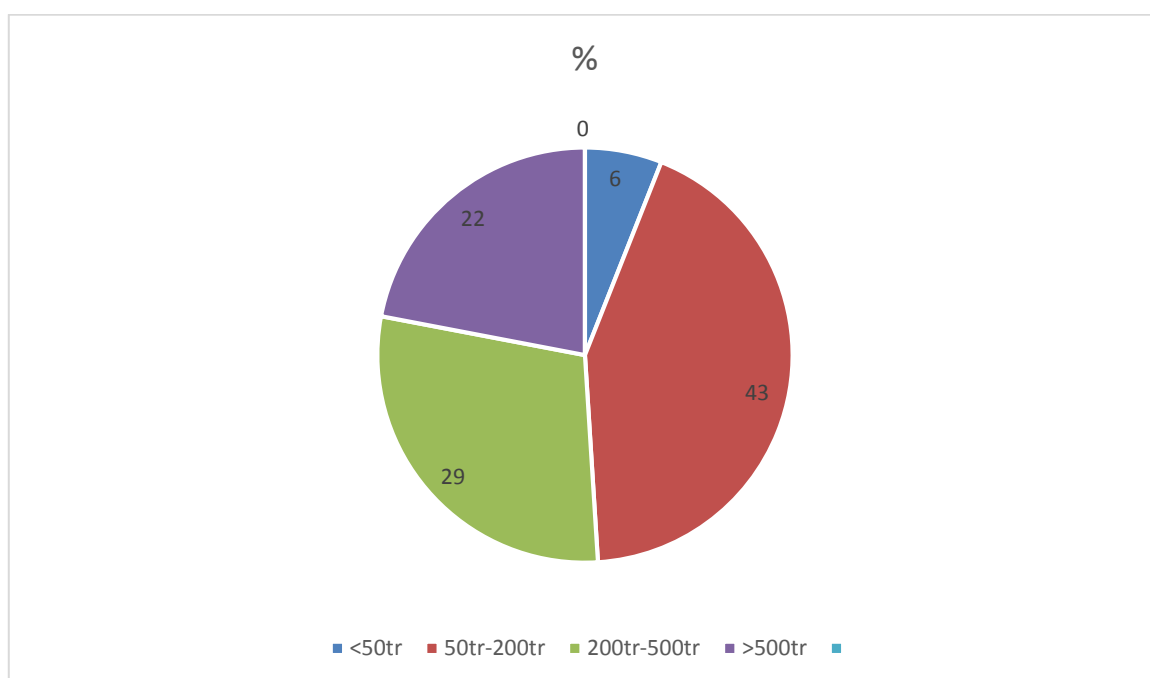
Chi trả tiền bảo hiểm xảy ra khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị chấm dứt hoạt động và bị mất khả năng thanh toán. Chi trả BHTG là việc thực hiện cam kết thanh toán khoản tiền gửi được bảo hiểm, bao gồm tiền gốc và lãi theo một mức độ nhất định của tổ chức BHTG cho người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm, tùy thuộc vào quy định về hạn mức chi trả của mỗi hệ thống BHTG.

PL về BHTG của Việt Nam xác định hạn mức chi trả theo “người gửi tiền” tại Ngân hàng SHB khi tham gia BHTG. Theo đó, trường hợp Ngân hàng SHB tham gia BHTG mất khả năng thanh toán, BHTGVN sẽ chi trả tiền BH cho một

“người” có tiền gửi tại SHB đó mà không căn cứ vào số lượng tài khoản của họ. Trường hợp một người có nhiều tài khoản tại SHB tham gia BHTG thì cũng chỉ được BHTGVN chi trả tối đa là 50 triệu đồng. Theo tôi, hạn mức chi trả được qui định là 30 triệu đồng (năm 1999) tương đương 1.900 USD lên 50 triệu đồng (năm 2005) tương đương 3.200 USD phù hợp với thông lệ quốc tế vào thời điểm xây dựng, tức là tương đương gấp 5,5 lần GDP bình quân đầu người năm 2005 và bảo vệ được toàn bộ tài khoản của khoảng 80% số người gửi tiền nếu ngân hàng bị phá sản, giải thể, trong khi hạn mức chi trả trên thế giới vào khoảng 3 – 12 lần GDP bình quân. Hạn mức chi trả BHTG này nhằm đạt được mục tiêu là gây dựng và củng cố niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống NH ở Việt Nam. Hạn mức chi trả được sửa đổi căn cứ vào mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm và chỉ số lạm phát.

Theo Điều 23 Luật bảo hiểm tiền gửi năm 2012 quy định: “Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.” Hiện nay các quy định pháp luật về hạn mức chi trả BHTG thể hiện những bất cập nhất định. Cụ thể:

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng giá tiêu dùng hiện nay thì hạn mức chi trả BHTG không quá 50 triệu đồng áp dụng đồng hạng đối với người gửi tiền đã trở nên không còn phù hợp, không có ý nghĩa do không bảo vệ được đa số người gửi tiền tiết kiệm, con số này là quá ít so với thu nhập bình quân đầu người ở nước ta hiện nay – khoảng 2.200 USD, tương đương 45 triệu đồng. SHB có chi nhánh tại Lào, Campuchia và cũng đã tham gia BHTG tại 2 nước này. Hiện tại ở Lào mức BHTG ở 20 triệu kíp, tương đương khoảng 60 triệu đồng, ở Campuchia mức BHTG là 100% số tiền gửi.



Biểu đồ: Cơ cấu tiền gửi ở ngân hàng SHB theo số tiền

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội)

Biểu đồ trên cho thấy số lượng tiền gửi ở mức dưới 50 triệu chỉ chiếm 6% tổng số tiền gửi bảo hiểm và 94% tổng lượng tiền gửi sẽ không được chi trả đủ 100% số tiền gốc và lãi khi ngân hàng bị phá sản, ngừng hoạt động.

Trên thực tế, vốn huy động của SHB không ngừng tăng lên. Tuy nhiên, tỉ lệ vốn trung và dài hạn không cao, chủ yếu là vốn ngắn hạn. Thực trạng này một phần do tâm lý của người gửi tiền chưa tin tưởng thực sự vào sự bảo đảm của hệ thống tài chính đối với khoản tiền gửi của mình, cùng với sự biến động tỷ giá ngoại tệ có xu hướng tăng, sự hấp dẫn từ các kênh đầu tư khác như bất động sản, vàng.. khiến cho tâm lý của người gửi tiền bất ổn. Mặt khác, cùng với thời gian, tỉ lệ lạm phát ở nước ta đã làm giảm giá trị thực của khoản tiền chi trả BHTG cho người gửi tiền [Phụ lục 4]. Bên cạnh đó, sự thay đổi của thành phần cũng như khối lượng tiền gửi, sự xuất hiện của các công cụ tài chính mới có thể làm cho cơ cấu chi trả BHTG không còn phù hợp với thực tế [Phụ lục 3].

Theo quan điểm cá nhân tôi cho rằng hiện nay hạn mức chi trả BHTG hợp lý ở mức:

$$21.200 \text{ đồng} \times 2.200 \text{ USD} \times 3 \text{ lần} = 139.920.000 \text{ đồng}$$

Khi nâng hạn mức chi trả BHTG lên tiếp cận với số tiền được gửi sẽ có ý nghĩa tạo niềm tin ở người gửi tiền, góp phần duy trì và ổn định hệ thống tài chính tiền tệ quốc gia.

Về điều chỉnh hạn mức chi trả BHTG:

Tại khoản 2 điều 24 luật Bảo hiểm tiền gửi quy định “Thủ tướng chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ”. Quy định này chưa phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành và chưa đảm bảo tính linh hoạt. Bởi vì các quy định trên thể hiện mâu thuẫn về thẩm quyền giữa Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Một quy định cụ thể trong Nghị định thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ sẽ có thể bị sửa đổi bởi một văn bản quy phạm PL do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Điều này trái với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm PL năm 2008, văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm PL của chính cơ quan NN đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan NN có thẩm quyền[67]. Trong điều kiện NKT tăng trưởng với tốc độ nhanh, các điều kiện KT-XH, mức thu nhập của người dân thay đổi nhanh chóng, kéo theo sự bất ổn định của hạn mức chi trả tiền BHTG thì việc quy định một mức cứng, cụ thể về hạn mức chi trả tiền BHTG trong văn bản luật sẽ bó chặt tính linh hoạt của các chỉ số này. Từ đó, có nguy cơ dẫn đến tình trạng quy định trong luật không theo kịp xu hướng phát triển của NKT và trở nên lỗi thời [Phụ lục 5]. Mặt khác, chương trình sửa đổi một văn bản luật không những cần nhiều thời gian, tuân thủ nhiều quy trình chặt chẽ mà còn gây lãng phí về kinh phí cho NSNN.

Cơ chế tính phí BHTG vẫn quy định theo kiểu cào bằng đối với mọi TCTD, mà chưa có sự phân hạng theo mức độ rủi ro, hoạt động của các NH.

2.2.3. Về hoạt động kiểm tra, giám sát, cảnh báo rủi ro đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

Theo điều 35 luật BHTG năm 2012 quy định: 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi. 2. Đối tượng thanh tra về

bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. 3. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra. 4. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra. 5. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng thì vấn đề rủi ro thị trường ngày càng gia tăng là quy luật khách quan. Hoạt động BHTG cũng phải phù hợp với cơ chế thị trường, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng. Cấu trúc mục tiêu này thể hiện rõ ràng yêu cầu của xu hướng phát triển nền KT thị trường. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức bảo hiểm với các cơ quan thanh tra, giám sát để giải quyết những khó khăn của ngành ngân hàng.

Một trong những yêu cầu lớn là phải thiết lập các cơ chế kiểm soát rủi ro, đặc biệt là những rủi ro mang tính lan truyền, quy mô lớn như rủi ro tiền gửi và rủi ro của hệ thống các tổ chức nhận tiền gửi. Phải kiểm soát hoạt động của SHB của các chi nhánh trong nước và nước ngoài như thế nào khi mà chi nhánh ở mỗi nước lại tuân thủ theo pháp luật và ngân hàng nhà nước ở nước đó cụ thể là ở Lào và Campuchia. Làm thế nào để giám sát phòng tránh rủi ro và phát triển các chi nhánh đó, tìm các công cụ tích cực như tổ chức BHTG, ngân hàng bắc cầu, công ty xử lý nợ... nhanh nhạy để xử lý kịp thời các trạng thái và quy mô rủi ro phát sinh của các tổ chức nhận tiền gửi, cũng như của hệ thống tài chính – ngân hàng nói chung.

Thuộc mô hình hoạt động BHTG chi trả với quyền hạn mở rộng, ngoài trách nhiệm chi trả tiền BHTG cho người thụ hưởng, bên bộ phận bảo hiểm tại SHB còn có thẩm quyền kiểm tra, giám sát Tổ chức, cá nhân, đưa ra những cảnh báo sớm về nguy cơ rủi ro (nếu có) đối với tổ chức đó. Về quyền hạn này, có quan điểm cho rằng, giám sát phải là vai trò chính của BHTG [87] xuất phát từ mục đích, ý nghĩa của hoạt động giám sát đối với tổ chức tham gia BHTG. Quy định PL về quyền hạn của BHTGVN trong hoạt động kiểm tra, giám sát TCTD góp phần quan trọng vào

việc giảm thiểu rủi ro NH, phòng ngừa có hiệu quả hiện tượng đổ vỡ NH. Kiểm tra, giám sát thông qua hai hình thức là giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ. Với sự phối hợp của ngân hàng SHB, BHTGVN xác định những rủi ro tiềm ẩn của tổ chức tham gia BHTG. Từ đó, đề xuất các biện pháp như xử lý tài sản, xử lý các khoản nợ xấu, nợ khó đòi, hỗ trợ tài chính nhằm khắc phục và phòng ngừa rủi ro. Theo nghị định 89/1999/NĐ-CP, BHTGVN thực hiện giám sát TCTD trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong hoạt động của TCTD. Hoạt động kiểm tra tại chỗ của BHTG tại NH gồm hai nội dung cơ bản:

Kiểm tra các TC, cá nhân về việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động BHTG như các quy định về công khai, minh bạch nghĩa vụ cung cấp thông tin cho ngân hàng SHB (qua các báo cáo về hoạt động nghiệp vụ, bảng cân đối tài sản, bảng tính phí BHTG) nghĩa vụ nộp phí BHTG (số tiền nộp, thời hạn nộp phí BH). Đến nay, BHTGVN thực hiện kiểm tra đối với toàn bộ tổ chức tham gia BHTG là các NHTM (NHTM Nhà nước, liên doanh, cổ phần, chi nhánh NHTM nước ngoài tại Việt Nam), công ty tài chính, quỹ TDND (ở trung ương và địa phương). Qua công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG và an toàn trong hoạt động NH, BHTGVN đã phát hiện những sai phạm trong hoạt động nghiệp vụ, những rủi ro hiện tại và tiềm ẩn. Đồng thời, chỉ ra nguyên nhân của những sai phạm đó, tư vấn các biện pháp khắc phục, đưa ra những cảnh báo đối với tổ chức tham gia BHTG và đề xuất các biện pháp chỉnh sửa.

Ngoài ra năng lực và kinh nghiệm giám sát an toàn hoạt động NH của BHTGVN còn yếu. Điều này đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn trong những năm qua nội dung các cuộc kiểm tra trên của BHTGVN chỉ dừng lại ở các nội dung kiểm tra việc tính và nộp phí BHTG, việc niêm yết chứng nhận BHTG, quản lý, hạch toán tiền gửi thuộc đối tượng BHTG, chấp hành quy định về thông tin, báo cáo đối với tổ chức TCTD. Mặt khác, về đối tượng kiểm tra, giám sát, BHTGVN mới chỉ thực hiện các hoạt động kiểm tra và giám sát đối với các TCTD nhất định. Đó là các tổ chức tham gia BHTG là các cấp cơ sở, NH TMCP ở nông thôn. Như vậy, hầu

hết các NHTM không phải là đối tượng được thực hiện kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các quy định về an toàn trong hoạt động NH.

PL về hoạt động BHTG hiện hành chưa đề cập đến các biện pháp chế tài pháp lý mà BHTGVN có thể áp dụng đối với TCTD, NH SHB vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động NH. BHTGVN có thể yêu cầu NH SHB thực hiện các biện pháp chấn chỉnh kịp thời, báo cáo bằng văn bản lên NHNN. Do đó, hoạt động kiểm tra, giám sát của tổ chức BHTG Việt Nam đạt hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, theo thông lệ quốc tế, ở hệ thống BHTG hiệu quả, tổ chức BHTG được phép áp dụng các biện pháp “mạnh” đối với tổ chức tham gia BHTG vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động NH. Chẳng hạn, căn cứ vào tiêu chuẩn xếp hạng mức tín nhiệm của các TCTD, tổ chức BHTG thực hiện đánh giá, xếp loại tổ chức tham gia BHTG. Sự “rớt hạng” mức tín nhiệm của NH SHB tham gia BHTG có tính chất quyết định đối với việc duy trì quan hệ tín dụng của tổ chức đó với người gửi tiền. Để tránh việc người gửi tiền rút tiền gửi, tổ chức tham gia BHTG bắt buộc phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về an toàn NH cũng như các quy định PL về hoạt động BHTG.

2.2.4. Về hoạt động hỗ trợ tài chính cho tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm tiền gửi tại ngân hàng

Hỗ trợ tài chính là tổng thể các biện pháp tài chính mà BHTG tại NH áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nguy cơ mất khả năng thanh toán nhằm giúp các tổ chức này khắc phục những khó khăn về tài chính. Theo PL hiện hành, các biện pháp hỗ trợ tài chính được BHTG tại các NH áp dụng đối với Tổ chức, cá nhân bao gồm: cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ, có thể cấp trực tiếp hoặc gián tiếp các khoản hỗ trợ cho các tổ chức và cá nhân được nhận hỗ trợ. Có nghĩa là các khoản hỗ trợ có thể cấp cho các tổ chức để các tổ chức đó tự sắp xếp lại hoạt động của mình.

Về mức hỗ trợ tài chính: PL hiện hành chưa có quy định về mức hỗ trợ tài chính cho TCTD trong cơ cấu quỹ BHTG. Do đó, trường hợp BHTGVN không thể thu hồi được khoản nợ này có thể ảnh hưởng xấu đến quỹ BHTG cũng như đến hoạt động

BHTG. Ngoài ra, chưa dự liệu tình huống nguồn tài chính của BHTGVN không đủ thì lấy từ nguồn nào, dựa trên cơ sở nào, để thực hiện hỗ trợ kịp thời cho TCTD.

2.2.5. Về chấm dứt hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Theo PL về hoạt động BHTG, một TCTD không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt các giao dịch để thanh lý tài sản hoặc Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của PL về phá sản. Việc chi trả BHTG cho người gửi tiền phải được BHTGVN tiến hành đó là khi ngân hàng SHB tham gia BHTG mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc yêu cầu chấm dứt các giao dịch để thanh lý tài sản hoặc Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật phá sản. Như vậy, sự kiện BHTG được phát sinh trong trường hợp SHB mất khả năng thanh toán nợ BH đến hạn theo thủ tục giải thể hoặc phá sản, chưa có quy định bảo đảm quyền nhận tiền chi trả của người gửi tiền. Chẳng hạn BHTG tại SHB chi trả kịp thời số tiền được BH cho người gửi tiền tại chi nhánh trong những năm vừa qua đã góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền nhỏ. Theo đó, bảo hiểm tiền gửi ngân hàng SHB đã trở thành chủ nợ của tổ chức, cá nhân tham gia BHTG với số tiền BHTG đã chi trả. BHTG tại SHB được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự thanh toán như đối với người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị buộc giải thể do không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn hoặc bị phá sản theo quy định của PL về giải thể, phá sản. Số tiền thu hồi được bổ sung vào nguồn quỹ hoạt động của BHTG tại NH.

Còn dưới góc độ thực hiện PL về hoạt động BHTG, quy định BHTGVN thu hồi lại tiền BHTG sau chi trả có điểm không phù hợp với bản chất của hoạt động BH nói chung và BHTG nói riêng.

2.3. Về giải quyết tranh chấp phát sinh từ bảo hiểm tiền gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Các tranh chấp phát sinh từ hoạt động BHTG tại NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội được coi là có nguy cơ tiềm tàng. Song, thực tế các tranh chấp phát sinh trong

lĩnh vực BHTG chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật BHTG. Chẳng hạn, tranh chấp giữa tổ chức BHTG và người gửi tiền phát sinh trong hoạt động chi trả tiền BH của NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Đối với BHTG, một loại tranh chấp rất dễ xảy ra và có mức độ gay gắt nhất là tranh chấp phát sinh từ hoạt động chi trả tiền BH nhất là khi tham gia ngoại tệ. Theo pháp luật về BHTG, khi xảy ra sự kiện BHTG, SHB có thể thực hiện chi trả bảo hiểm theo hai phương thức: thông qua một tổ chức tài chính khác như một NH thương mại (Ngân hàng bắc cầu) hoặc trực tiếp chi trả cho người gửi tiền. Theo hợp đồng ký kết giữa NH SHB bắc cầu và tổ chức BHTG, NH thực hiện chi trả tiền BH cho người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG bị mất khả năng thanh toán.

Trong trường hợp này, có thể phát sinh tranh chấp giữa SHB bắc cầu và tổ chức BHTG do sự vi phạm nghĩa vụ của một trong hai bên như ngân hàng SHB bắc cầu vi phạm nghĩa vụ chi trả tiền BH cho người thụ hưởng, hay tổ chức BHTG vi phạm nghĩa vụ đối với ngân hàng SHB bắc cầu sau khi hoàn tất công tác chi trả. Hoặc, tranh chấp phát sinh giữa tổ chức BHTG và người gửi tiền do sự vi phạm nghĩa vụ chi trả của NH bắc cầu.

Trường hợp tổ chức BHTG trực tiếp chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền cũng có thể phát sinh tranh chấp giữa tổ chức này với người thụ hưởng từ hoạt động BHTG, do sự vi phạm nghĩa vụ chi trả của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG. Như vậy, những loại tranh chấp này có thể ảnh hưởng đến lợi ích về tài sản của các chủ thể trong quan hệ BHTG, đặc biệt là chủ thể thụ hưởng từ hoạt động BHTG. Hoặc, những tranh chấp phát sinh bảo hiểm giữa người gửi tiền và ngân hàng SHB, hay tranh chấp giữa người gửi tiền và BHTGVN [95], về xác định mức tiền gửi được chi trả, tranh chấp phát sinh giữa người gửi tiền và ngân hàng SHB trong việc thực hiện chi trả tiền BH cho người gửi tiền, tranh chấp phát sinh giữa ngân hàng SHB và TCTD liên quan đến việc xác định mức phí BHTG, thu phí BHTG, chấm dứt BHTG. Các loại tranh chấp này chưa được đề cập trong các văn bản pháp luật về hoạt động BHTG, Luật trọng tài thương mại 2010, Bộ luật tố tụng dân sự 2004.

Song, trên thực tế, mối quan hệ giữa BHTG tại SHB và tổ chức, cá nhân tham gia BHTG lại ẩn chứa những mâu thuẫn tiềm tàng. Chẳng hạn, trường hợp

SHB tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động, nhưng BHTGVN không thực hiện đầy đủ trách nhiệm chi trả BHTG đối với người gửi tiền. Trong trường hợp này, người có quyền khởi kiện là tổ chức tham gia BHTG hay người gửi tiền? Nếu người gửi tiền có quyền khởi kiện thì có khả năng thắng kiện đối với một tổ chức tài chính nhà nước? Hoặc, tranh chấp có thể phát sinh giữa BHTGVN và tổ chức tham gia BHTG NH SHB có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ đóng phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG sẽ được giải quyết theo cơ chế nào? Những vấn đề trên chưa được qui định rõ và cụ thể trong PL về BHTG hiện hành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng của PL về hoạt động BHTG tại NH SHB ở Việt Nam, có thể nhận thấy: trong thời gian qua, các quy định PL về hoạt động BHTG đã góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm sự an toàn, ổn định của hoạt động NH, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ, duy trì sự tin tưởng của người gửi tiền. Bên cạnh những thành quả đã đạt được, PL về hoạt động BHTG tại NH còn bộc lộ nhiều bất cập. Cụ thể: Những bất cập về nội dung hoạt động BHTG như tạo lập quỹ BHTG trong PL về BHTG tại NH khiến cho năng lực tài chính của BHTG bị hạn chế đáng kể. Qui định về sử dụng quỹ BHTG trong việc chi trả cho người gửi tiền có điểm chưa phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay. Đó là về chủ thể được bảo vệ, loại tiền gửi được BH và không được BH, hạn mức chi trả BHTG thấp (50 triệu đồng) có thể làm giảm sự tin tưởng của người gửi tiền và ảnh hưởng đến sự an toàn của hệ thống NH. Quy định về hoạt động kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân của BHTG tại NH đã bộc lộ những điểm hạn chế nhất định về: căn cứ pháp lý của hoạt động kiểm tra, giám sát, nội dung hoạt động kiểm tra, giám sát, quy trình giám sát, năng lực và kinh nghiệm giám sát an toàn hoạt động NH về BHTG. Chưa có qui định bảo đảm quyền nhận tiền chi trả của người gửi tiền trong trường hợp NH không thực hiện nghĩa vụ chi trả cho người gửi tiền, chưa dự liệu các tranh chấp có thể phát sinh và phương thức giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hoạt động BHTG.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI Ở VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu, định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

3.1.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

Hoàn thiện PL về BHTG phải thể chế hóa được quan điểm chủ trương và chính sách của Đảng và nhà nước, thể hiện được tính đặc thù của hệ thống NH Việt Nam, phù hợp với thể chế chính trị của Việt Nam đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

Ngoài ra phải phù hợp với điều kiện KT-XH ở nước ta [3], đặc biệt là các điều kiện về sự phát triển của thị trường tiền tệ, thị trường vốn, sự phát triển của hệ thống NH, mức độ hiểu biết, thói quen tiết kiệm của người dân. Không những thế phải kế thừa những nội dung phù hợp đã được trải nghiệm qua thực tiễn thực hiện PL về hoạt động BHTG. Phải trên cơ sở tham khảo, học tập kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện PL về hoạt động BHTG của các nước [92]. Các quy định của PL về BHTG cũng phải bảo đảm tương thích với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực BHTG. Các quy định của Luật về BHTG phải thống nhất, với các Luật khác phát sinh trong hoạt động NH như Luật NHNN Việt Nam, Luật Các TCTD sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm sự phối hợp, hoạt động hiệu quả của mạng lưới an toàn tài chính quốc gia. Bên cạnh đó, Luật về BHTG phải bảo đảm thống nhất với các Luật khác về kinh doanh như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Phá sản, Luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Các quy định trong Luật phải có tính khái quát, những quan hệ XH phát sinh trong lĩnh vực BHTG phải được dự liệu một cách tối đa. Đặc biệt, đối với những vấn đề có tính ổn định, ít biến động.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

BHTG được đánh giá là một trong những giải pháp góp phần bảo đảm an toàn đối với hoạt động NH ở mỗi nước. Do đó, định hướng hoàn thiện pháp luật về BHTG gắn liền với định hướng cải cách cơ bản pháp luật về hoạt động NH ở Việt

Nam. Cụ thể: Hoàn thiện PL về hoạt động BHTG phải bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển ngành NH, với các mục tiêu cơ bản về phát triển các TCTD đến năm 2016 và định hướng chiến lược đến năm 2020 là [86]: Cải cách các TCTD hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển tiên tiến trong khu vực ASEAN đa dạng loại hình TCTD, có qui mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh hơn. Đồng thời, tạo nền tảng đến sau năm 2020 xây dựng được hệ thống tổ chức tín dụng đạt trình độ tiên tiến khu vực châu Á, có khả năng cạnh tranh với các NH trên thế giới.

Tiếp đến, hoàn thiện PL về BHTG đặt ra các chỉ tiêu phát triển dịch vụ NH và có tác động đến định hướng hoàn thiện PL về BHTG trong thời gian tới [41]. Đó là:

Tăng trưởng vốn huy động bình quân hàng năm từ 18 - 20%.

Tăng trưởng tín dụng bình quân hàng năm từ 18 - 20%.

Tỉ trọng nguồn vốn trung hạn, dài hạn trong tổng vốn huy động hàng năm chiếm từ 33 - 36%.

Tăng trưởng doanh số thanh toán qua ngân hàng bình quân hàng năm đạt từ 25 - 30%.

Tỉ trọng dư nợ tín dụng trung hạn, dài hạn trên tổng dư nợ tín dụng đạt từ 40 - 42%.

Tỉ trọng nợ xấu so với tổng dư nợ tín dụng đến năm 2016 từ 5 - 7%.

Tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu đến năm 2016 đạt 8%.

Tiếp theo, hoàn thiện pháp luật về hoạt động BHTG phải gắn liền với định hướng phát triển dịch vụ huy động vốn thể hiện trên hai mặt cơ bản: khuyến khích các cá nhân, tổ chức tích lũy tài sản, đầu tư và gửi tiền vào NH bằng tiền Việt Nam như nguồn tiền gửi và tiết kiệm của khách hàng, tiền gửi, tiền vay trên thị trường liên NH. Đồng thời, đẩy mạnh phát hành giấy tờ có giá, dịch vụ tài khoản, tiếp nhận vốn uỷ thác từ trong và ngoài nước, quản lí tài sản của KH cá nhân, tổ chức.

3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

3.2.1. Xác định mô hình hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam.

Trên thực tế, mô hình hoạt động BHTG tại một quốc gia sẽ hoạt động hiệu quả nhất khi nó phù hợp với nền tảng KTXH của chính quốc gia đó cũng như đáp

ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế[32]. Do đó, khi xác định mô hình hoạt động BHTG ở Việt Nam, phải tính đến các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam cũng như của thế giới vì thực tế như hiện nay SHB có thành lập chi nhánh ở nước ngoài. Khi tham gia kinh doanh ở một quốc gia các ngân hàng nói chung và SHB ở Lào và Campuchia nói riêng phải tuân thủ luật và hoạt động kinh doanh theo nước sở tại. Hiện nay, đã có các quan điểm khác nhau về loại hình hoạt động BHTG ở Việt Nam.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, giữ nguyên quy định của PL hiện hành về mô hình hoạt động BHTG [49]. Nghĩa là hỗ trợ tài chính cho TCTD khi TCTD gặp khó khăn về khả năng chi trả.

Quan điểm thứ hai cho rằng, bỏ quy định cho BHTGVN thực hiện các chức năng: kiểm tra tại chỗ hoạt động của TCTD - trừ việc kiểm tra TCTD thực hiện nghĩa vụ nộp phí BHTG [48], hỗ trợ tài chính cho TCTD khi tổ chức này gặp khó khăn về khả năng chi trả và quyền can thiệp vào hoạt động nội bộ của TCTD.

Theo quan điểm cá nhân cho rằng, nếu xác định mô hình hoạt động BHTG theo quan điểm thứ nhất sẽ kế thừa được bộ máy tổ chức và nhân sự hiện có về kiểm tra, giám sát của tổ chức BHTGVN. Đồng thời, mang lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động kiểm tra tại chỗ, giám sát từ xa đối với sự an toàn hoạt động NH, bảo đảm hệ thống NH hoạt động ổn định. Mặt khác hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với TCTD, ngân hàng SHB: kiểm tra TCTD trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động BHTG, xếp hạng rủi ro của TCTD. Còn hoạt động giám sát từ xa được thực hiện trên cơ sở nguồn thông tin từ TCTD, NHNN Việt Nam và các chủ thể giám sát tài chính khác. Trên cơ sở đó, BHTGVN đánh giá mức độ rủi ro và có thể đưa ra cảnh báo sớm đối với TCTD. Như vậy, hoạt động kiểm tra tại chỗ và giám sát từ xa của BHTGVN hiện nay có những điểm khác biệt so với hoạt động thanh tra của Thanh tra NHNN Việt Nam. Do đó, không thể bỏ quy định về hoạt động giám sát, kiểm tra của BHTGVN với lý do hoạt động này đã được quy định cho Thanh tra NHNN Việt Nam như giải trình của NHNN. Trong trường hợp hệ thống quy định về xếp hạng các TCTD đã trở nên hoàn thiện và việc đánh giá các

TCTD đã đi vào nền nếp thì có thể chính thức triển khai áp dụng theo mô hình hoạt động BHTG giảm thiểu rủi ro.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định về vị trí pháp lý của chủ thể thực hiện hoạt động bảo hiểm tiền gửi

BHTGVN được tổ chức thực hiện các nghiệp vụ BH theo luật “số lớn bù số ít”. BHTGVN sẽ bán BHTG cho các TCTD cụ thể là NH SHB. Do đó BHTGVN sẽ hiện thu phí BHTG từ các tổ chức tham gia BHTG, chi trả tiền BHTG để khắc phục hậu quả cho số ít chủ thể gặp rủi ro. Bên cạnh đó, BHTGVN còn thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát ngân hàng SHB tham gia BHTG. Hoạt động giám sát của BHTGVN góp phần bảo đảm an toàn đối với hệ thống tài chính- tiền tệ của quốc gia [12]. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho tổ chức BHTG chủ động, linh hoạt thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình, là định chế tài chính bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của người gửi tiền - mục tiêu chủ yếu trong hoạt động của tổ chức. BHTG ở Việt Nam [24] trong quá trình xây dựng Luật về BHTG nhằm hoàn thiện PL về hoạt động BHTG, đã có một số ý kiến khác nhau về vị trí pháp lý của tổ chức BHTGVN nên trực thuộc Chính phủ hay trực thuộc NHNN - cơ quan quản lý nhà nước thuộc Chính phủ. Do đó, bên cạnh công tác hoàn thiện PL về vị trí pháp lý, thẩm quyền của các chủ thể giám sát tài chính, NH cần thiết phải bảo đảm thực hiện trên thực tế sự phối hợp giữa các chủ thể giám sát tài chính, NH. Trên cơ sở đó, việc quản lý, giám sát, kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG được thống nhất, có hiệu quả, tránh chồng chéo về thẩm quyền hoặc bỏ ngỏ đối tượng kiểm tra, giám sát.

Trong điều kiện nền kinh tế - tài chính ở Việt Nam hiện nay, các thành viên thuộc hệ thống NHTM chưa đáp ứng được yêu cầu lập quỹ BHTG. Nhà nước cần can thiệp nhằm bảo đảm an toàn đối với hoạt động tài chính của quốc gia.

Về mục tiêu hoạt động, chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức BHTG ở Việt Nam.

Thực tiễn BHTG tại các quốc gia cho thấy, mục tiêu của BHTG có liên quan nhất định đến việc xác định chức năng của tổ chức BHTG. Về mục tiêu hoạt động

BHTG ở Việt Nam như sau: Hoạt động của tổ chức BHTGVN nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG cụ thể là ngân hàng SHB [81]. Đặc biệt là người gửi tiền nhỏ, những người có những hạn chế nhất định về hiểu biết về hoạt động NH, thông tin về tình hình tài chính nói chung. Mặc dù người gửi tiền nói chung và người gửi tiền nhỏ nói riêng không thực hiện nộp phí BH, nhưng trường hợp tổ chức nhận tiền gửi bị đổ vỡ, quyền lợi của người gửi tiền có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tạo tâm lý yên tâm cho người gửi tiền đối với hoạt động của hệ thống NH. Từ đó, thúc đẩy phát triển thị trường tài chính - tiền tệ. Bảo đảm an toàn đối với hoạt động của hệ thống tài chính - tiền tệ quốc gia. Hoạt động hiệu quả của tổ chức BHTG sẽ ngăn ngừa hiện tượng “đổ vỡ” và đổ vỡ dây chuyền các NH đặc biệt là ngân hàng SHB tham gia BHTG. Qua đó, ngăn ngừa khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong nước cũng như đối với các nước trong khu vực. Đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa NH SHB với các NH khác. Thông qua qui định về xác định mức độ rủi ro trong hoạt động của các ngân hàng SHB với các NH khác, thực hiện thu phí BHTG theo mức độ rủi ro, các TCTD hoạt động có hiệu quả được khẳng định về vị thế của mình trong nền kinh tế. Tổ chức BHTG còn là một định chế tài chính của nhà nước thực hiện giám sát các tổ chức tham gia BHTG, góp phần hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động NH, bảo đảm an toàn đối với hệ thống tài chính quốc gia. Do đó, PL về hoạt động BHTG phải quy định rõ về chức năng của tổ chức BHTGVN với ngân hàng SHB: cấp, cấp đổi giấy Chứng nhận tham gia BHTG cho các tổ chức tham gia BHTG, chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG bị mất khả năng thanh toán, thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG đối với các tổ chức tham gia BHTG vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động NH, tham gia thanh lý tổ chức tín dụng trong trường hợp giải thể, phá sản về BHTG cho khách hàng gửi tiền.

Tóm lại, PL nên quy định tổ chức BHTG trực thuộc Chính phủ. Thực tiễn cho thấy, tổ chức BHTG trực thuộc Chính phủ là một trong các yếu tố quan trọng tạo sự tin tưởng, yên tâm đối với đông đảo người gửi tiền. Bởi lẽ, trong những trường hợp tổ chức tham gia BHTG gặp rủi ro đến mức mất khả năng thanh toán,

Chính phủ có thể đứng ra bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Mặt khác, chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động BHTG vừa có vị trí pháp lý độc lập tương đối, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước của Chính phủ.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về nội dung hoạt động bảo hiểm tiền gửi

3.2.3.1 Về hoạt động xác lập quan hệ bảo hiểm tiền gửi

Thực tiễn hoạt động BHTG ở Việt Nam thời gian vừa qua cho thấy, một số TCTD, NH đã thành lập, chính thức đi vào hoạt động (trong đó có hoạt động nhận tiền gửi) nhưng sau đó mới thực hiện thủ tục tham gia BHTG.

Đối với các TCTD, NH bị đánh giá là nguy cơ rủi ro cao thông qua các chỉ tiêu của NHNN Việt Nam, việc tham gia BHTG của các tổ chức này có khả năng gây tổn thất đến quỹ BHTG. Do đó, cần bổ sung quyền hạn của BHTGVN trong việc phối hợp với cơ quan quản lý NN trong lĩnh vực tài chính, NH về thẩm định điều kiện của các TCTD đó trước khi tiến hành hoạt động nói chung và hoạt động nhận tiền gửi nói riêng.

Mặt khác, cần có quy định về sự phối hợp giữa trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, NH như Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, NHNN Việt Nam cũng như thời hạn cụ thể để thực hiện cơ chế phối hợp nhằm tạo thuận lợi cho TCTD đủ điều kiện tham gia BHTG hoặc xử lý theo hướng tái cơ cấu đối với tổ chức này. Mặt khác, những thông tin về TCTD có nguy cơ rủi ro cần được xử lý thỏa đáng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng như bảo đảm sự ổn định trong hoạt động NH.

Cần bổ sung các biện pháp chế tài pháp lý theo hướng nghiêm khắc đối với TCTD vi phạm nghĩa vụ tham gia BHTG như vi phạm quy định về thực hiện cấp, cấp đổi, niêm yết giấy Chứng nhận tham gia BHTG. Các mức chế tài pháp lý như mức phạt tiền phải bảo đảm mang tính răn đe đối với TCTD. Từ đó, góp phần bảo đảm thực thi pháp luật về hoạt động BHTG, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền cũng như tránh tổn thất quỹ BHTG do rủi ro nhằm lẫn đối tượng tham gia BHTG.

Bổ sung các quy định PL về hợp đồng BHTG: Bên cạnh hoàn thiện các quy định về cấp, cấp đổi, niêm yết giấy Chứng nhận tham gia BHTG, cần bổ sung các

quy định tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tài chính khác có thể tham gia BHTG theo hình thức tự nguyện. Trong trường hợp này, cần quy định về các điều kiện mà một tổ chức tài chính phải bảo đảm để có thể tự nguyện tham gia BHTG. Về thẩm quyền của các chủ thể quản lý trong lĩnh vực tài chính, NH cũng với BHTGVN thẩm định các điều kiện của tổ chức tài chính tự nguyện tham gia BHTG, về hợp đồng BHTG, chế tài pháp lý có liên quan. Tại các quốc gia, PL cũng có quy định “mềm” về chủ thể tham gia BHTG bằng việc các tổ chức tài chính có nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức mà không phải là TCTD có thể tham gia BHTG. Chẳng hạn, Luật BHTG của Pháp quy định các NH tham gia BHTG bằng cách bắt buộc, các tổ chức tài chính phi NH như công ty BH, tiết kiệm có thể tham gia BHTG (tức tự nguyện tham gia BHTG). Trong trường hợp này, hình thức pháp lý của quan hệ BHTG là hợp đồng BHTG. Toàn bộ các điều khoản của hợp đồng do hai bên thỏa thuận trên cơ sở PL về hoạt động BHTG và các luật có liên quan. Hoặc, theo Luật BHTG Canada, khi một tổ chức tài chính (cấp tiểu bang) thể hiện ý chí về việc tham gia BHTG [96;(17)], công ty BHTG liên bang xem xét và chấp thuận để tổ chức đó tham gia BHTG hay không nếu tổ chức đó đã đáp ứng được các điều kiện của PL về hoạt động BHTG và về NH hay không. Hợp đồng BHTG [96;(18)] được cấp vào ngày mà tổ chức tài chính chính thức trở thành thành viên của công ty BHTG liên bang. Hợp đồng BHTG phải tuân thủ hình thức, nội dung do PL quy định và có thể được sửa đổi, thay thế, chấm dứt [100;31(3)] theo các quy định của PL.

Như vậy, với thực tiễn hoạt động tài chính, NH ở Việt Nam trong những năm tới, các tổ chức tài chính được dự báo là sẽ trở nên rất đa dạng. Việc tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức tài chính tự nguyện tham gia BHTG không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi của người (cá nhân) tham gia giao dịch tài chính với các tổ chức đó trong trường hợp tổ chức bị chấm dứt hoạt động. Đồng thời, góp phần gia tăng quỹ BHTG, dần dần tiến đến không sử dụng NSNN trong chi trả BHTG cho người thụ hưởng.

3.2.3.2 Hoàn thiện các quy định pháp luật về tạo lập và sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi

Cần quy định về việc xác định qui mô quỹ bảo hiểm tiền gửi

Hiện nay, quy mô quỹ BHTG của Việt Nam đạt tỷ lệ 0,97% - 1% tổng giá trị tiền gửi được BH khi nền kinh tế ở trạng thái bình thường. Theo kinh nghiệm của các quốc gia có nền kinh tế phát triển như Việt Nam, quy mô quỹ BHTG phải đạt tỷ lệ 1,5% - 5% tổng giá trị tiền gửi được BH. Như vậy, tỷ lệ vốn mục tiêu của BHTGVN là quá thấp[16], trong khi thị trường tín dụng tăng trưởng nóng. Hiện nay, các NH Việt Nam vẫn đang tham gia các cuộc chạy đua lãi suất nhằm huy động vốn. Thực tế cho thấy rủi ro tín dụng và rủi ro trong hoạt động của hệ thống NH thường xuyên vượt quá tỷ lệ trung bình ở các nước. Vì vậy, theo kinh nghiệm của các quốc gia có “bề dày” triển khai hoạt động BHTG, tỉ lệ vốn mục tiêu của tổ chức BHTGVN cần thiết phải quy định mức từ 1,5% - 5% tổng giá trị tiền gửi được BH.

Sửa đổi, bổ sung các qui định PL về tạo lập quỹ BHTG.

Về phí BHTG - nguồn chủ yếu của quỹ BHTG. Phí BHTG là một trong các nguồn tạo thành quỹ BHTG của tổ chức BHTG. Thu phí đồng hạng ngay từ khi hoạt động BHTG mới triển khai thực hiện. Trong thời kì đầu, phương pháp này tỏ ra có hiệu quả vì phù hợp với thực tiễn hoạt động NH, hoạt động BHTG ở Việt Nam. Những hạn chế của qui định PL về phí BHTG đồng hạng đã được phân tích tại phần trên của luận văn. Tuy nhiên, PL về hoạt động BHTG hiện nay quy định theo hướng xác định một mức cụ thể về phí BHTG và trao quyền điều chỉnh mức này cho Thủ tướng Chính phủ. Quy định này chưa thống nhất với PL Việt Nam hiện hành và chưa đảm bảo tính linh hoạt. Về nội dung này, theo quan điểm cá nhân cho rằng quy định về mức phí BHTG phù hợp là một trong những yếu tố quan trọng nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Đồng thời, đảm bảo tính ổn định, bền vững của các quy phạm pháp luật về BHTG. Có như vậy, các TCTD, ngân hàng SHB tham gia BHTG tránh thực hiện các hoạt động kinh doanh có độ rủi ro cao, bảo đảm sự công bằng trong tính và thu phí BHTG giữa các tổ chức [51]. Tăng cường năng lực tài chính của tổ chức thực hiện hoạt động BHTG, vì nguồn tạo lập quỹ BHTG từ phí BHTG là chủ yếu. PL cần đưa ra các tiêu chí để xác định mức độ rủi ro của các tổ chức, qui định khung phí BHTG với các mức phí khác nhau và

độ chênh lệch giữa các mức phí để khuyến khích tổ chức tham gia BHTG hoạt động có hiệu quả [49]. Khi quy định về phương pháp tính và thu phí BHTG trên cơ sở mức độ rủi ro ngân hàng, cần đánh giá, phân tích tình hình nền kinh tế.

Hoạt động tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng trở nên sôi động. Tuy nhiên, cần thiết phải phòng ngừa những hiện tượng đổ vỡ có thể xảy ra bất kì. Bên cạnh việc thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động đối với tổ chức BHTGVN, hiện nay cần phải đẩy mạnh vai trò của tổ chức này thông qua việc tăng cường về thẩm quyền để thực hiện các chức năng của tổ chức cũng như tăng cường tiềm lực về tài chính.

Hiện nay cơ quan BHTG vẫn đang thực hiện thu phí đồng hạng, việc thu phí này không làm rõ được sự khác biệt về trách nhiệm giữa các tổ chức với mức độ an toàn khác nhau đối với quyền lợi người gửi tiền nên không khuyến khích, thúc đẩy cạnh tranh giữa các tổ chức nhận tiền gửi đáng phải có trong nền kinh tế thị trường. Do vậy cần thiết phải thay đổi phương pháp thu phí BHTG theo mức độ rủi ro của tổ chức nhận gửi tiền. Nếu tổ chức nhận gửi tiền hoạt động yếu kém, được đánh giá mức độ rủi ro (khả năng đổ vỡ) càng cao thì mức phí BHTG phải nộp sẽ cao hơn và ngược lại. Quy định thu phí BHTG theo mức độ rủi ro bảo đảm công bằng giữa các tổ chức tham gia BHTG, quyền lợi người gửi tiền được đảm bảo tốt hơn, giảm thiểu gánh nặng của ngân sách nhà nước trong trường hợp đổ vỡ, tạo điều kiện cho tổ chức BHTGVN tăng quy mô vốn từ phí BHTG của các tổ chức tham gia BHTG. Bổ sung quỹ BHTG từ lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh của BHTGVN. Ngoài ra, như đã phân tích ở trên, cần có quy định về cơ chế bảo đảm cho tổ chức BHTGVN gia tăng quỹ BHTG thông qua các hoạt động đầu tư kinh doanh [78]. Bởi vì, xuất phát từ thực tế của hoạt động BH là mang đặc tính đảo ngược chu kỳ kinh doanh. BHTGVN cũng như các tổ chức BH khác thực hiện thu phí BH trước, thực hiện chi trả tiền BH cho KH trong tương lai khi có sự kiện BH phát sinh.

Hoàn thiện quy định về sử dụng quỹ BHTG trong việc chi trả BH cho người thụ hưởng.

Về chủ thể được bảo hiểm: Theo qui định của PL về hoạt động BHTG của Việt Nam hiện nay, chủ thể được BHTG bao gồm cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh (mặc dù Luật BHTG tại Điều 18 quy định đối tượng được BH là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân nhưng không có qui định về ngưng hiệu lực đối với các văn bản quy phạm pháp luật trước đó). Việc mở rộng chủ thể được BHTG đối với hộ gia đình, tổ hợp tác, công ty hợp danh đã nảy sinh một số bất cập và không thống nhất với các quy định khác của hệ thống pháp luật NH. Nghị định 109/20005/NĐ-CP quy định chủ thể được BHTG đối với một số loại hình doanh nghiệp là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh đã thể hiện sự phân biệt đối xử đối với các loại hình doanh nghiệp khác như công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần [66]. Bởi vì, các chủ thể trên đều là các doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (2005). Về nguyên tắc, các doanh nghiệp thuộc mọi thành kinh tế, thuộc các hình thức sở hữu khác nhau đều bình đẳng trước PL.

Bên cạnh đó, quy định về các chủ thể được BHTG tại Nghị định 109/2005/NĐ-CP không thống nhất với các qui định PL về hoạt động nhận tiền gửi được ban hành kèm theo quy chế mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại NHNN Việt Nam và NHTM như ngân hàng SHB, quy chế về tiền gửi tiết kiệm. Theo qui chế mở và sử dụng tài khoản, TCTD mở các loại tài khoản tiền gửi sau: tài khoản tiền gửi của cá nhân, tài khoản tiền gửi của đồng chủ tài khoản, là tài khoản có ít nhất hai người trở lên cùng đứng tên mở tài khoản, đồng chủ tài khoản có thể là cá nhân hoặc tổ chức, tài khoản tiền gửi của tổ chức. Còn theo quy chế về tiền gửi tiết kiệm, chủ thể gửi tiền tiết kiệm là cá nhân hoặc nhóm cá nhân, là các đồng chủ sở hữu đối với khoản tiền gửi tiết kiệm. Như vậy, chủ thể mở tài khoản tiền gửi, gửi tiền tiết kiệm hoặc là đứng tên cá nhân hoặc đứng tên đồng chủ sở hữu hoặc đứng tên tổ chức. Không có chủ thể mở tài khoản tiền gửi hoặc gửi tiền tiết kiệm với tư cách hộ gia đình. Do đó, việc đặt ra vấn đề BHTG với hộ gia đình là không thực tế. Trong

quá trình hoàn thiện PL về hoạt động BHTG, về vấn đề lựa chọn đối tượng BHTG, đã có một số quan điểm khác nhau [26].

Quan điểm cho rằng, nên giữ quy định như PL hiện hành. Theo đó, chủ thể được BHTG bao gồm cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Theo tôi, nếu quy định theo hướng này, PL về hoạt động BHTG không khắc phục được những bất cập và khiếm khuyết của hệ thống PL về chủ thể được BHTG hiện hành như đã phân tích ở phần trên.

Quan điểm khác cho rằng, PL nên quy định chủ thể được BHTG chỉ bao gồm cá nhân có tiền gửi được BH tại tổ chức tham gia BHTG. Nếu chỉ quy định chủ thể được BH đối với cá nhân thì có thể phù hợp với mục tiêu chủ yếu của PL về hoạt động BHTG của Việt Nam là bảo vệ những người gửi tiền nhỏ. Bởi vì, trong trường hợp TCTD, ngân hàng SHB tham gia BHTG mất khả năng thanh toán, với năng lực tài chính hiện nay, BHTGVN có thể bảo đảm chi trả đầy đủ tiền BH cho tất cả cá nhân gửi tiền. Đồng thời, khắc phục được những bất cập của pháp luật hiện hành về chủ thể được BHTG. Nhưng, dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền, qui định như vậy thể hiện sự không bình đẳng giữa các chủ thể thực hiện gửi tiền tại các TCTD.

Mặt khác, nếu chỉ xét về các tổ chức có chức năng kinh doanh, thì ở Việt Nam số lượng các doanh nghiệp có qui mô nhỏ và vừa khá cao. Ở góc độ này, các doanh nghiệp có qui mô nhỏ có được coi là một người gửi tiền nhỏ không? Đồng thời, Luật Doanh nghiệp hiện hành đã quy định công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do một cá nhân hoặc một tổ chức làm chủ sở hữu. Vậy, chỉ “cá nhân”- chủ doanh nghiệp này được pháp luật BH cho số tiền gửi của họ tại TCTD. Còn doanh nghiệp - tổ chức kinh doanh có tiền gửi tại TCTD lại không được BH? Do đó, theo tôi, PL cần qui định chủ thể được BH bao gồm cá nhân và một số tổ chức Việt Nam có tiền gửi tại TCTD, ngân hàng SHB tham gia BHTG. Như thế, bảo đảm sự bình đẳng về mặt pháp lí giữa các chủ thể trong các quan hệ dân sự. Mặt khác, đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện PL về hoạt động BHTG là phù hợp điều kiện kinh

tế xã hội nước ta [14]. Đồng thời, phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động tài chính, NH hiện nay và thông lệ quốc tế về hoạt động BHTG [5].

Về đối tượng được BH. Đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức nhận tiền gửi. PL về hoạt động BHTG cần mở rộng phạm vi BH đối với các khoản tiền gửi là tiền ký quỹ của cá nhân để thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đối với các khoản tiền gửi là tiền ký quỹ, như trên đã phân tích, dù mục đích gửi tiền là nhằm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và việc sử dụng số tiền đó có thể gây sự thụ động đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng SHB tham gia BHTG. Tuy nhiên, với mục tiêu chủ yếu là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền nhỏ thì PL về hoạt động BHTG của Việt Nam cần bổ sung và quy định cụ thể về BH đối với loại tiền gửi này. Đối với các khoản tiền gửi là ngoại tệ, PL về hoạt động BHTG của Việt Nam nên bổ sung điều chỉnh [35]. Quy định BH đối với tiền gửi bằng ngoại tệ không chỉ phù hợp với thực tiễn hoạt động NH trong nước mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế về bảo hiểm [23].

Như đã phân tích ở phần trên, thực tiễn huy động vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức tham gia BHTG ở Việt Nam chiếm tỉ lệ đáng kể. Người gửi tiền bằng ngoại tệ có thể là cá nhân hoặc tổ chức. Nếu người gửi tiền là cá nhân, chỉ được BH đối với cá khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam. Tiền gửi của cá nhân bằng ngoại tệ thì không được BH. Trong khi đó, PL về BH quy định người gửi tiền được phép gửi tiền bằng ngoại tệ. Do đó, quy định của PL về BH theo hướng hạn chế BH đối với tiền gửi bằng ngoại tệ của cá nhân sẽ thiệt thòi cho một bộ phận người gửi tiền và không phù hợp với các quy định PL về hoạt động tín dụng. Hiện nay, PL về BH đã qui định đối tượng BH là các loại tài sản, trong đó có ngoại tệ. Song, thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp BH còn thiếu vắng những sản phẩm BH về ngoại tệ. Do đó, cần có khung pháp lý nhằm bảo vệ đối với các loại ngoại tệ được tổ chức, cá nhân gửi tại các TCTD, ngân hàng SHB trong hoạt động của các doanh nghiệp BH ở Việt nam. Trường hợp pháp luật quy định BH đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, cần “dự liệu” các vấn đề về rủi ro ngoại hối.

Theo các quan điểm khác nhau, hạn mức chi trả BHTG cho một người gửi tiền tại một TCTD (không phụ thuộc vào số tài khoản của họ tại TCTD đó) là 50 triệu đồng là “quá thấp”, đặc biệt so sánh hạn mức chi trả của các nước trong khu vực Asean [Phụ lục 1]. Quan điểm này hoàn toàn có lý khi căn cứ vào mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm, mức tăng của tiền gửi tại các TCTD trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát, trượt giá của đồng tiền Việt Nam. Tuy nhiên, hạn mức chi trả qui định là bao nhiêu thì “phù hợp”? Thật khó để đưa ra một hạn mức cụ thể có thể phù hợp với mong muốn của tất cả chủ thể có tiền gửi được BH[34].

Đối với các nhóm người gửi tiền khác, PL quy định áp dụng hạn mức chi trả tiền BH. Tuy nhiên, hạn mức chi trả BHTG phải “đủ” tạo dựng được niềm tin của người gửi tiền. Hiện nay, BHTGVN đề xuất quy định hạn mức chi trả BHTG tối đa là 200 triệu đồng cho một người gửi tiền tại một TCTD. Nếu đề xuất này được chấp thuận thì sẽ tạo được sự tin cậy và nhận được sự ủng hộ rất lớn từ phía người gửi tiền. Bên cạnh đó, cần có quy định “linh hoạt” trong trường hợp đặc biệt, hạn mức chi trả BHTG có thể được tăng lên theo quyết định của Chính phủ. Đây là giải pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp khủng hoảng tài chính xảy ra [Phụ lục 2]. Sự hỗ trợ từ Chính phủ không chỉ bảo đảm cho quyền lợi của người gửi tiền mà còn góp phần bảo đảm sự ổn định trong hoạt động của hệ thống NH nói chung[62]. Ngoài ra pháp luật cần phải sửa đổi giảm thời gian thanh toán bảo hiểm tiền gửi. Pháp luật như hiện hành quá dài gây phiền hà cho các tổ chức cũng như cá nhân khi tham gia gửi tiền. Bởi khi họ vào gửi tiền các giao dịch viên nhận và làm thủ tục chưa đầy 20 phút nhưng khi họ bị mất tiền thì phải chờ những tận một tháng rất phi lý. Tác giả đề nghị Luật cần bổ xung, sửa đổi là giảm thời gian chi trả bảo hiểm từ 60 ngày thành chi trả thanh toán luôn trong ngày. Điều này sẽ kích thích người dân gửi tiền ở các ngân hàng.

3.2.3.3 Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về hoạt động kiểm tra, giám sát, cảnh báo rủi ro đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

Một trong các chức năng quan trọng của tổ chức BHTGVN cũng như tổ chức BHTG ở Việt Nam là thực hiện kiểm tra tại chỗ và giám sát từ xa đối với các

TCTD, NH SHB tham gia BHTG. Kết quả của các hoạt động này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc ngăn ngừa đổ vỡ tổ chức tham gia BHTG, giảm chi phí tài chính do phải chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền và bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống NH [53]. Tuy nhiên, theo quy định PL về BHTG hiện hành, BHTGVN còn bị hạn chế về thẩm quyền khi thực hiện hoạt động các nghiệp vụ này. Nội dung kiểm tra của tổ chức BHTGVN đối với tổ chức tham gia BHTG chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các quy định về an toàn NH. Tuy nhiên, việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ này chủ yếu dựa trên những thông tin do tổ chức tham gia BHTG cung cấp.

Do đó, tôi cho rằng, để bảo đảm thực hiện các chức năng, đạt được các mục tiêu của tổ chức BHTGVN, trong hoàn thiện PL về hoạt động BHTG ở Việt Nam, cần thiết phải xác định rõ vị trí pháp lý của tổ chức BHTGVN trong hệ thống cơ quan giám sát tài chính ở Việt Nam và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan đó trong việc thực hiện giám sát hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG.

Trong đó, các chủ thể giám sát như Bộ Tài chính, NHNN tham gia với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Còn tổ chức BHTG tham gia thực hiện chức năng giám sát với tư cách là định chế tài chính độc lập, không phải với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước. Đây là những kinh nghiệm quý báu về quy định quyền hạn của tổ chức BHTG mà Việt Nam cần tham khảo trong hoàn thiện pháp luật về BHTG[1].

Bên cạnh đó, PL về hoạt động BHTG của Việt Nam cần quy định cơ chế trao đổi thông tin giữa các TCTD, NH SHB tham gia BHTG và BHTGVN, trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG về cung cấp thông tin. Đây cũng là một trong những tiền đề để BHTGVN có thể thực hiện tốt chức năng giảm thiểu rủi ro NH thông qua việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của tổ chức tham gia BHTG. Trên cơ sở đó, tổ chức BHTGVN mới có điều kiện thực hiện có hiệu quả chức năng kiểm tra và giám sát của mình. Trong quá trình kiểm tra tại chỗ các tổ chức tham gia BHTG, nếu phát hiện các tổ chức “có vấn đề”, tổ chức BHTGVN có quyền yêu

cầu bằng văn bản đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng SHB tham gia BHTG để tổ chức này áp dụng các biện pháp chấn chỉnh.

Bên cạnh các định chế giám sát tài chính khác, tổ chức BHTGVN cần thiết phải tham gia giám sát hoạt động của các tổ chức nhận tiền gửi, đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động kinh doanh của tổ chức đó. Từ đó, có thể thực hiện hỗ trợ tài chính hoặc can thiệp vào hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi khi cần thiết..

Như vậy, cần hoàn thiện quy định PL về kiểm tra, giám sát của các chủ thể trong hoạt động BHTG. Cụ thể, mở rộng đối tượng kiểm tra, giám sát vì hiện nay PL mới chỉ quy định đối tượng kiểm tra, giám sát các cơ sở, quy định chế tài pháp lý nghiêm khắc đối với tổ chức tín dụng ở ngân hàng SHB về chế độ thông tin, báo cáo phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, quy định chế độ giám sát đối với tổ chức BHTG trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, NHTM, TCTD, ngân hàng SHB tránh chồng chéo hoặc thiếu sót về trách nhiệm, quyền hạn. Đây là cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về hoạt động BHTG nói chung.

3.2.3.4 Bổ sung quy định về hoạt động hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, quy định đầy đủ, rõ ràng về sự kiện pháp lý làm chấm dứt hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Hoạt động hỗ trợ tài chính là một trong các hoạt động được tổ chức BHTG tiến hành nhằm góp phần ngăn chặn hiện tượng “đổ vỡ” NH. Những bất cập của các quy định pháp luật về hoạt động hỗ trợ tài chính đã được phân tích ở trên. Tuy nhiên, Luật BHTG mới ban hành của Việt Nam dường như đã “bỏ qua” nội dung hoạt động BHTG quan trọng này. Tôi cho rằng, cần hoàn thiện các quy định PL về hoạt động hỗ trợ tài chính trên các mặt sau:

Phải quy định rõ căn cứ pháp lý để BHTGVN thực hiện hoạt động hỗ trợ tài chính đối với TCTD, ngân hàng SHB, NHTM. Đó là trường hợp TCTD, ngân hàng SHB gặp khó khăn nhưng chưa tới mức lâm vào tình trạng phá sản, hoặc chưa bị xếp vào nhóm cần kiểm soát đặc biệt, dựa vào tiêu chí cụ thể về chỉ số nợ/tài sản có của tổ chức.

Phải quy định về nghĩa vụ của TCTD, NHTM, ngân hàng SHB được nhận hỗ trợ tài chính đối với BHTGVN. Bởi vì, về nguyên tắc, khoản tài chính được sử dụng để hỗ trợ TCTD gặp khó khăn phải được thu hồi về quỹ BHTG.

Về lâu dài, nên nghiên cứu ban hành quy định PL tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập, hoạt động, vị trí pháp lý của NH bắc cầu trong hoạt động BHTG.

Chẳng hạn, theo kinh nghiệm của Đài Loan, Luật BHTG của Đài Loan quy định . Hỗ trợ tài chính cho các tổ chức tham gia BHTG khi tổ chức này gặp khó khăn đến mức có nguy cơ mất khả năng chi trả, không thể tìm được các nguồn tài chính khác.

Luật các TCTD 2010 có hiệu lực từ 01/01/2011 quy định TCTD và chi nhánh NH nước ngoài có quyền nhận tiền gửi của cá nhân. Do đó, hai loại hình tổ chức nhận tiền gửi này phải tham gia BHTG. Về vấn đề này, tôi có quan điểm như sau:

PL cần quy định về sự kiện BHTG theo hướng bao quát đến cả TCTD và chi nhánh NH nước ngoài. Bởi vì, BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, đặc biệt là người gửi tiền nhỏ thông qua hoạt động chi trả tiền BHTG cho người gửi tiền trong trường hợp tổ chức nhận tiền gửi - TCTD, ngân hàng SHB tham gia BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, dù đó là NH trong nước hay chi nhánh NH nước ngoài. Vì vậy, việc PL về hoạt động BHTG xác định một thời điểm chi trả tiền BHTG phù hợp, là thể hiện sự cam kết về mặt pháp lý đối với người dân trong việc bảo đảm chi trả khoản tiền BHTG cho họ nhanh chóng, kịp thời. Từ đó, củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống NH, hạn chế hiện tượng rút tiền hàng loạt tại tổ chức tham gia BHTG. Qua đó, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống NH. Về vấn đề sự kiện BHTG, các ý kiến của các chuyên gia cũng có sự khác nhau. Có quan điểm cho rằng, PL về hoạt động BHTG giữ quy định như hiện nay. Nghĩa là, sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG cho người gửi tiền của BHTGVN là cơ quan NN có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia BHTG chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc kể từ ngày Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản

theo quy định của pháp luật về phá sản. Với quan điểm này, có thể nhận thấy, quy định sự kiện BHTG theo hướng giữ nguyên quy định hiện hành là không phù hợp, không bao quát hết các trường hợp tổ chức BHTG có nghĩa vụ chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Do đó, nếu tiếp tục quy định như vậy sẽ không thực hiện được các mục tiêu của pháp luật BHTG. Quan điểm khác lại cho rằng, sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG cho người gửi tiền của tổ chức

BHTGVN có sự khác nhau đối với tổ chức tham gia BHTG là TCTD trong nước và chi nhánh NH nước ngoài. Cụ thể, đối với tổ chức tham gia BHTG là TCTD trong nước, đó là thời điểm Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với tổ chức.

Theo tôi, quy định sự kiện BHTG theo hướng này sẽ khắc phục được hạn chế của pháp luật hiện hành về sự kiện BHTG. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nếu qui định sự kiện BHTG như trên đối với chi nhánh NH nước ngoài, có thể dẫn đến việc chi trả BHTG cho người gửi tiền thường chậm hơn nhiều so với sự kiện BHTG qui định đối với tổ chức tham gia BHTG là TCTD. Do đó, chưa bảo đảm mục tiêu bảo vệ tiền gửi của người gửi tiền. Mặt khác, có khả năng gây ra bất lợi về cạnh tranh đối với chi nhánh NH nước ngoài. Quan điểm cá nhân cho rằng, sự kiện BHTG cần được quy định rõ ràng. Cụ thể, đối với NH trong nước, đó là thời điểm có văn bản của cơ quan Tòa án có thẩm quyền về việc NH mất khả năng thanh toán. Bởi vì, qui định như vậy vừa bảo đảm khắc phục được các bất cập của PL hiện nay về sự kiện BHTG, vừa bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật phá sản. Đối với chi nhánh NH nước ngoài, đó là thời điểm NHNN Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh NH nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Qui định sự kiện BHTG theo hướng này sẽ bảo đảm chi trả sớm nhất cho người gửi tiền trong cả trường hợp tổ chức tham gia BHTG là NH trong nước và tổ chức tham gia BHTG là chi nhánh NH nước ngoài. Tuy nhiên, để thực hiện quy định này, PL phải qui định bổ sung chức năng cho NHNN Việt Nam trong việc xác định chi nhánh NH nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Phân biệt rõ trường hợp thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG và trường hợp chấm dứt BHTG. PL hiện hành đã có sự đồng nhất trường hợp chấm dứt BHTG và thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG. Đó là khi TCTD không nộp phí BHTG trong thời hạn ba tháng kể từ ngày phải nộp, NHNN Việt Nam có văn bản chấm dứt hoạt động của TCTD, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản yêu cầu TCTD chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc cơ quan Tòa án quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản. Mặt khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, TCTD có thể có những thay đổi về chi nhánh hoạt động. Việc thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG chưa đề cập đến trường hợp do thay đổi mạng lưới chi nhánh của TCTD. Do đó, cần bổ sung thêm trường hợp thu hồi giấy Chứng nhận tham gia BHTG do sự thay đổi này.

Bổ sung sự kiện BHTG là các trường hợp chấm dứt hợp đồng BHTG. Trường hợp pháp luật qui định về cách thức tham gia BHTG “tự nguyện” đối với tổ chức tài chính khác, cần qui định về trường hợp chấm dứt hợp đồng BHTG. Chẳng hạn, do tổ chức tham gia BHTG vi phạm nghiêm trọng các qui định về hoạt động BHTG, về huy động vốn. Hay có văn bản của cơ quan NN có thẩm quyền về việc tổ chức gặp khó khăn trong kinh doanh. Ngoài ra, cần qui định một thời hạn cụ thể để tổ chức tham gia BHTG hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước khi chấm dứt hợp đồng BHTG.

3.2.4. Bổ sung các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Theo PL về hoạt động BHTG của Việt Nam thì BHTGVN có nghĩa vụ thực hiện các cam kết với tổ chức tham gia BHTG cụ thể là ngân hàng SHB. Trường hợp tổ chức tham gia BHTG cụ thể là ngân hàng SHB bị giải thể, phá sản, BHTGVN thay mặt tổ chức tham gia BHTG, NH SHB thực hiện chi trả tiền BH cho người gửi tiền theo danh sách. Sau khi thực hiện chi trả tiền BHTG, BHTGVN trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia BHTG, NH SHB.

Trường hợp BHTGVN bán bảo hiểm cho NH SHB hay các TCTD khác tuy nhiên lại không còn đủ khả năng để chi trả, hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác như

nghĩa vụ bảo mật thông tin của tổ chức tham gia BHTG thì áp dụng biện pháp chế tài pháp lý nào? Tranh chấp giữa tổ chức BHTGVN với tổ chức tham gia BHTG được giải quyết theo cơ chế nào? Do đó, cần thiết phải đưa vào các quy định PL tạo cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các tổ chức tham gia BHTG cụ thể là ngân hàng SHB và BHTGVN, đặc biệt là trong điều kiện áp dụng chế độ thu phí BHTG theo mức độ rủi ro. Do đó, theo tôi, cần bổ sung các nội dung sau:

Đối với loại tranh chấp về hoạt động BHTG trong đó, các bên tham gia có địa vị pháp lý bình đẳng, cần bổ sung loại ranh chấp này trong thẩm quyền Tòa án kinh tế nhằm tạo cơ sở pháp lý cho giải quyết các loại tranh chấp đó tại Tòa án kinh tế. Bởi vì, hiện nay, qui định về thủ tục giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự, thương mại về cơ bản đã đầy đủ.

Đối với các tranh chấp mang tính chất hành chính, cần làm rõ cơ sở pháp lý cho hoạt động của tài phán hành chính. Trên thực tế, pháp luật quy định việc giải quyết các loại tranh chấp mà các bên tham gia không bình đẳng về quyền và nghĩa vụ pháp lý có thể là khiếu nại bằng thủ tục hành chính, hoặc khởi kiện ra Tòa án hành chính.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

3.3.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Kiểm tra, giám sát ngân hàng SHB là BHTGVN và NHNN đây là một trong những chức năng của BHTG. BHTGVN thực hiện giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ các TCTD, ngân hàng SHB. Nội dung kiểm tra chủ yếu về sự tuân thủ các qui định pháp luật về hoạt động BHTG và qui định an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng SHB cũng như các tổ chức tín dụng khác. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, chủ yếu dựa vào số liệu do ngân hàng SHB cung cấp. Trên thực tế, hiệu quả kiểm tra, giám sát tổ chức TCTD cũng như ngân hàng SHB không cao. Sự bất cập đó có các nguyên nhân khác nhau đòi hỏi cần có những giải pháp khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực hiện PL về hoạt động

BHTG. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, cần tránh gây phiền hà, cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của ngân hàng SHB, các TCTD. Bởi thông tin hoạt động kiểm tra giám sát thực hiện PL về hoạt động BHTG đối với ngân hàng SHB, TCTD không được quản lý tốt có thể tạo tâm lý hoang mang cho người gửi tiền, từ đó dẫn đến hiện tượng người gửi tiền rút tiền gửi đồng loạt, gây bất ổn cho nền tài chính nói chung. Đồng thời, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

3.3.2. Tăng cường hiện đại hóa bằng công cụ tin học trong thực hiện pháp luật về bảo hiểm tiền gửi

Cần ưu tiên đầu tư và phát triển các hệ thống thông tin phục vụ chuyên ngành như các chương trình quản lý TCTD, người gửi tiền có tiền gửi được BH. Đồng thời, xây dựng phần mềm tin học đặc thù chuẩn bị cho áp dụng mô hình BHTG theo mức độ rủi ro.

Đồng thời, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ các hoạt động BHTG, đặc biệt là hoạt động giám sát TCTD. Tiếp đến chú trọng đến công tác đào tạo cán bộ tin học. Trong công tác này, phải tiến hành đào tạo thường xuyên và đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Cuối cùng là nối mạng giữa BHTGVN với các chủ thể khác như ngân hàng SHB và các chủ thể quản lý, giám sát tài chính để luôn cập nhật và xử lý thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý TCTD các tổ chức BHTG ở các nước cũng như với các tổ chức tài chính quốc tế. Các tổ chức giám sát khác trong hệ thống an toàn tài chính quốc gia. Đó là Bộ tài chính, NHNN Việt Nam, Bộ kế hoạch và đầu tư. Như vậy sẽ bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng như bảo đảm an toàn đối với hoạt động NH ở Việt Nam.

3.3.3. Chú trọng công tác nhân sự của bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam

Một trong những nhân tố quan trọng nâng cao hiệu quả thực thi PL về BHTG là yếu tố con người. Do đó, trong gói giải pháp nâng cao hiệu quả PL về BHTG ở Việt Nam là phát triển nguồn nhân lực của ngân hàng SHB hay của BHTGVN,

nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý. Nguồn nhân lực có chất lượng luôn luôn là một trong các yêu cầu quan trọng để đáp ứng công tác tổ chức thực hiện pháp luật về BHTG. Đặc biệt là vấn đề đạo đức. Năng lực chuyên môn, kỹ năng chuyên môn thành thạo của các cán bộ, nhân viên trong BHTG tại ngân hàng SHB. Xuất phát từ thực tiễn của hoạt động BHTG, những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn của cán bộ, nhân viên trong tổ chức BHTG có những điểm đặc thù. Trong công tác tuyển dụng cán bộ, nhân viên cần có những chính sách đãi ngộ theo hướng khuyến khích trọng dụng nhân tài. Từ đó, có thể có được đội ngũ cán bộ, nhân viên có trình độ nghiệp vụ cao, từng bước đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế.

3.3.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Trong những năm qua, BHTGVN đã tổ chức khá tốt công tác tuyên truyền, thông tin về hoạt động BHTG và PL về hoạt động BHTG. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay của hoạt động tài chính, NH ở nước ta đặc biệt là ngân hàng SHB, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động BHTG đến các đối tượng khác nhau. Đối với người gửi tiền - đặc biệt là người gửi tiền nhỏ, cần có các cách thức tuyên truyền đa dạng, phong phú giúp nâng cao nhận thức mục tiêu của pháp luật về hoạt động BHTG, quyền hạn, trách nhiệm của ngân hàng SHB hay BHTGVN nhằm tạo tâm lý yên tâm cho khách hàng. Sự tin tưởng của khách hàng vào hệ thống tài chính, NH là một trong những yếu tố quan trọng để bảo đảm sự ổn định, an toàn trong hoạt động NH.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thực tiễn pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong những năm qua đã chứng minh tư tưởng, quan điểm đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về việc thiết lập khung pháp lí cho hoạt động BHTG, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền ở Việt Nam. Do đó, xây dựng, hoàn thiện PL về hoạt động BHTG tại ngân hàng SHB và thực hiện PL về hoạt động BHTG tại ngân hàng SHB là hai mặt của quản lí nhà nước bằng PL đối với hoạt động BHTG ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, nếu chỉ chú trọng công tác hoàn thiện PL về hoạt động BHTG thì chưa thể đạt được hiệu quả quản lí nhà nước bằng PL đối với hoạt động BHTG.

KẾT LUẬN

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua cũng là động lực cho các quốc gia xem xét lại hệ thống giám sát của mình, niềm tin của người dân vào hệ thống tài chính - ngân hàng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Kết quả nghiên cứu cho thấy: các quốc gia có hệ thống PL về BHTG đầy đủ và triển khai thực hiện hiệu quả, không dễ xảy ra đổ vỡ hệ thống. Thực tế trong giai đoạn khủng hoảng, từ năm 2008 đến hết năm 2010, Tổng công ty BHTG liên bang Mỹ đã xử lý êm thấm 321 ngân hàng qui mô lớn nhỏ, không xảy ra tình trạng người dân hoảng loạn rút tiền gửi hàng loạt. Năm 2008, Tổng công ty BHTG Đài Loan xử lý êm thấm NH Chinfon thông qua nghiệp vụ NH bắc cầu và nghiệp vụ ngân hàng mở. Như vậy, hệ thống BHTG đầu tiên trên thế giới ra đời tại Mỹ sau cuộc đại khủng hoảng tài chính 1929 - 1933. Đến thập niên 80 của thế kỉ trước, nhiều nước đã thành lập tổ chức BHTG và triển khai các hoạt động BHTG. Đặc biệt, sau cuộc khủng hoảng tài chính khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 1996 - 1998, hàng loạt nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam, đã thành lập mới hoặc cải cách hệ thống BHTG (Hàn Quốc, Việt Nam, Kazakhstan, Nga, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore, Úc). Đến năm 2010, đã có 106 nước thành lập hệ thống BHTG công khai, hàng loạt nước trước đây theo mô hình chi trả đơn thuần, đặc biệt là các nước trong Cộng đồng châu Âu, đã cải cách hệ thống BHTG sang mô hình chi trả với chức năng mở rộng hoặc mô hình giảm thiểu rủi ro. Năm 2002, sự ra đời của Hiệp hội BHTG Quốc tế đã đánh dấu bước phát triển trong hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ chức BHTG và với các tổ chức tài chính quốc tế.

Ở Việt Nam, thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay, NKT Việt Nam đang từng bước chuyển từ cơ chế kế hoạch tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN và hội nhập sâu rộng hơn vào nền KT thế giới. Trong bối cảnh đó, hệ thống tài chính - NH nước ta cũng đã liên tục được cải cách theo nguyên tắc thị trường, đảm bảo phân bổ hiệu quả và an toàn các nguồn lực tài chính. Mô hình hoạt động BHTG của Việt Nam đã được cộng đồng BHTG quốc tế công nhận là mô hình tiên tiến, hiệu quả. Tuy nhiên, hệ thống PL về BHTG của Việt

Nam còn chưa đồng bộ, chưa tạo được cơ sở pháp lý cho BHTGVN thực hiện tốt sứ mệnh của mình. Trên cơ sở lý luận, nghiên cứu nội dung của PL về BHTG ở Việt Nam cụ thể là SHB, khảo sát và đánh giá thực tiễn thực hiện PL về BHTG tại SHB trong thời gian qua, luận văn phân tích những tác động tích cực của PL về BHTG đối với hoạt động tài chính tại SHB, khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà Nước ta về định hướng xây dựng khung pháp lý cho hoạt động tài chính, NH SHB đã đáp ứng nhu cầu của nền KT thị trường, trong đó có chủ trương tiếp tục hoàn thiện PL về BHTG. Đồng thời, cũng phân tích những mặt “chưa được” của PL về BHTG hiện hành. Những đánh giá này được đưa ra trên các mặt như: sự bất cập trong các quy định PL về địa vị pháp lý của BHTGVN chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động BHTG về các nội dung hoạt động và một số vấn đề liên quan. Những phân tích trên về thực trạng PL về BHTG của ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội là cơ sở để luận văn đưa ra những giải pháp hoàn thiện PL về BHTG nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho BHTG ở Việt Nam. Trên cơ sở những vấn đề đặt ra đối với hệ thống PL về BHTG hiện hành, tôi phân tích những yêu cầu, định hướng của việc hoàn thiện PL về BHTG đưa ra những phương hướng cơ bản hoàn thiện PL về BHTG về vị trí pháp lý, quyền hạn, trách nhiệm của BHTGVN về tạo lập, sử dụng quỹ BHTG, thực hiện các nội dung hoạt động BHTG. Mặt khác, cũng phân tích những giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả thực thi PL về BHTG. Đây là yếu tố không thể thiếu để đánh giá tính hiệu quả của một hệ thống PL về BHTG tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Trong quá trình nghiên cứu PL về BHTG tại SHB, tôi cũng nghiên cứu tham chiếu đến PL về BHTG của Việt Nam và một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia được đánh giá là có hệ thống PL về BHTG hiệu quả và các quốc gia có điểm tương đồng về điều kiện triển khai thực hiện hoạt động BHTG với Việt Nam như Mỹ, Hàn quốc, Đài loan, Indonexia, Canada, Pháp. Trên cơ sở đó, đưa ra những kết luận ứng dụng tại Việt Nam thông qua đề xuất giải pháp hoàn thiện PL về BHTG cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện PL về BHTG tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Các quy định pháp luật về BHTG bị chi phối bởi các điều kiện kinh tế, xã hội và hệ thống pháp luật khác liên quan.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2011), Báo cáo kết quả hỗ trợ tài chính đến năm 2010, Hà Nội;
2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2011), “Khảo sát mong muốn của người dân về chính sách BHTG”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (18), Tr.10-11;
3. BHTG Việt Nam (2010), “Singapore mở rộng phạm vi bảo hiểm tiền gửi”, Thông tin BHTG Việt Nam (15), Hà Nội;
4. Bộ Tài chính (1994), Quyết định số 101/TC-QĐ-BH ngày 01/01/1994 của Bộ tài chính về Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm của Quỹ tín dụng nhân dân đối với khoản tiền gửi có kì hạn, Hà Nội;
5. Đặng Duy Cường (2007), “Mô hình tổ chức bảo hiểm tiền gửi giảm thiểu rủi ro”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (5);
6. Đặng Duy Cường, “Quỹ bảo hiểm tiền gửi mục tiêu và một số vấn đề đặt ra đối với bảo hiểm tiền gửi Việt Nam” Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, (8), Tr.22;
7. Nguyễn Mạnh Dũng, “Quy mô quỹ bảo hiểm tiền gửi bao nhiêu là phù hợp”? Tạp chí Ngân hàng (22), Tr.60-63 và 68;
8. Trần Đình Hảo (2008), “Về địa vị pháp lý của tổ chức bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam(6), Tr.11-12 và 28;
9. Nguyễn Duy Hoàn (2009), “Yêu cầu cấp thiết nâng cao hiệu quả hoạt động BHTG tại Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (12), Tr.4-8;
10. Nguyễn Thị Hiền (2008), Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Tr.9;
11. Phạm Thị Hiền, “Hoạt động giám sát từ xa tại các chi nhánh của DIV một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giám sát trong thời gian tới”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (8), Tr.12;

12. Bùi Thu Hương (2010), Hoàn thiện hoạt động nghiệp vụ BHTG Việt Nam trong thời kì hội nhập, Luận án văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng năm 2010;
13. Dương Thu Hương (2007), “Hoàn thiện mô hình BHTG tại Việt Nam: Phương án hữu hiệu giải bài toán hội nhập kinh tế”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (5), Tr.1-2;
14. Dương Thu Hương (2008), “Tính phí trên cơ sở rủi ro góp phần lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (6), Tr.9-10;
15. Nguyễn Thị Thu Hương (2009), “Nâng hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi bao nhiêu là phù hợp?”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (11);
16. Cao Sỹ Kiêm (2008), “Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sẽ có bước tiến xa”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (9), Tr.2;
17. Lê Hoàng Nga (2007), “Vai trò của bảo hiểm tiền gửi trong hệ thống giám sát tài chính ở Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (5), Tr.5-7;
18. Lê Hoàng Nga (2009), “Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và vấn đề an toàn, lành mạnh hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (9), Tr.5-7;
19. Nguyễn Thị Kim Oanh (2003), “Bàn về tính phí bảo hiểm tiền gửi”, Tạp chí Ngân hàng (14);
20. Quốc hội, Luật Bảo hiểm tiền gửi, ngày 18/6/2012;
21. Quốc hội, Luật kinh doanh bảo hiểm, Điều 12;
22. Đinh Dũng Sỹ (2008), “Mô hình BHTG ở Việt nam hiện nay và những vấn đề cần quan tâm nghiên cứu khi xây dựng Luật BHTG”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (6), Tr.5-8;
23. Đinh Dũng Sỹ (2009), “Địa vị pháp lý của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (10), Tr.6-9;
24. Đinh Dũng Sỹ (2009), “Vai trò của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (13), Tr.25;

25. Nguyễn Minh Tân (2009), “Về cơ chế tài chính để nâng cao năng lực tài chính của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (10), Tr.10-11 và 29;
26. Đinh Xuân Thảo (2011), “Cải cách thể chế giám sát tài chính bảo vệ tốt hơn người gửi tiền”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (16), Tr.4-5;
27. Lê Thị Thu Thủy (2007), “Bàn về mô hình bảo hiểm tiền gửi trong thời kì hội nhập quốc tế”, Tạp chí Luật học (12);
28. Lê Thị Thu Thủy (2008), Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;
29. Đào Trí Úc, “Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (3);
30. Lê Thị Thúy Sen (2004), “Sự ra đời của BHTG trên thế giới, châu Á và Việt Nam”, Tạp chí tài chính - tiền tệ (9), Tr.33;
31. Lê Thị Kim Xuân (2007), “Minh bạch hóa chính sách BHTG qua Chứng nhận BHTG”, Thông tin bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2), Tr.16;